

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH
VIỆN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI**



CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP

**NGHIỆP VỤ XUẤT KHẨU HÀNG FCL BẰNG
ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH HONG IK
VINA NĂM 2024**

Ngành: KINH TẾ VẬN TẢI

Chuyên ngành: KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đoàn Thị Hương

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Ngọc Ánh

MSSV: 2054010264

Lớp: KT20B

TP, Hồ Chí Minh, 2024

VIỆN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢN NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP

1. **Họ và tên sinh viên:** Nguyễn Thị Ngọc Ánh

MSSV: 2054010264

Lớp: KT20B

Ngành : Kinh tế vận tải

Chuyên ngành : Kinh tế vận tải biển

2. **Tên đề tài:** Nghiệp vụ xuất khẩu hàng FCL bằng đường biển tại công ty TNHH Hong Ik Vina năm

2024.....

.....

.....

.....

3. **Nhận xét:**

a) **Về tinh thần, thái độ làm việc của sinh viên:**

Sinh viên có tinh thần làm việc tốt, thái độ tốt

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. **Đề nghị:**

Được bảo vệ (hoặc nộp BCTTTN để chấm)

Không được bảo vệ

5. **Điểm thi (nếu có):**

TP. HCM, ngày 5 tháng 8 năm 2024

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thưa
Đoàn Thị Hương

BM-TTTN-01

VIỆN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BẢN NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP**

Họ và tên sinh viên được giao đề tài: Nguyễn Thị Ngọc Ánh

MSSV: 2054010264

Lớp: KT20B

1. **Tên đề tài:** Nghiệp vụ xuất khẩu hàng FCL bằng đường biển tại công ty TNHH Hong Ik Vina năm 2024

2. **Nhận xét:**

a) *Những kết quả đạt được của Chuyên đề tốt nghiệp:*

.....
.....
.....
.....
.....

b) *Những hạn chế của Chuyên đề tốt nghiệp:*

.....
.....
.....
.....

3. **Đề nghị:**

Được bảo vệ Bổ sung thêm để bảo vệ Không được bảo vệ

5. **Điểm:**

TP. HCM, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên phản biện
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên tiếng anh	Tên tiếng việt
CBCNV		Cán bộ công nhân viên
B/L	Bill of lading	Vận đơn đường biển
CIF	Cost, Insurance and Freight	Tiền hàng, bảo hiểm và cước phí
FOB	Free On Board	Giao hàng lên tàu
CONT	Container	
PO	Purchase Order	Đơn đặt hàng
INV	Invoice	Hóa đơn thương mại
FCL	Full container load	Hàng nguyên container
SI	Shipping Instruction	Hướng dẫn làm hàng
VGM	Verified Gross Mass	Khối lượng container chứa hàng

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

STT	Tên sơ đồ, bảng	Trang
1	Bảng 1.1. Phân bố nhân sự theo phòng ban của công ty TNHH Hong Ik Vina 2023	7
2	Bảng 1.2. Tình hình nhân sự theo giới tính, độ tuổi và trình độ của công ty TNHH Hong Ik Vina năm 2023	9
3	Bảng 1.3. Kết quả kinh doanh của công ty Hong Ik Vina năm 2022 và 2023	12
4	Sơ đồ 1: Quy trình hoạt động xuất khẩu chung tại công ty TNHH Hong Ik Vina	16
5	Sơ đồ 2: Quy trình xuất khẩu đơn hàng chi tiết chuẩn SOP	20
5	Ma trận SWOT đánh giá quy trình	54

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH HONG IK VINA.....	2
1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty TNHH Hong Ik Vina	
1.1.1. Giới thiệu chung	2
1.1.2. Lịch sử hình thành	2
1.1.3. Định hướng phát triển	3
1.1.4. Tầm nhìn, sứ mệnh	3
1.2. Lĩnh vực kinh doanh:	4
1.3. Cơ cấu tổ chức	5
1.3.1. Bộ máy tổ chức.....	5
1.3.2. Chức năng của các phòng ban:.....	5
1.4. Tình hình nhân sự:.....	7
1.5. Đánh giá kết quả kinh doanh của công ty năm 2023	12
CHƯƠNG 2: NGHIỆP VỤ XUẤT KHẨU HÀNG NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH HONG IK VINA	15
2.1. Quy trình hoạt động xuất khẩu tại công ty TNHH Hong Ik Vina	15
2.1.1. Các bên liên quan	15
2.1.2. Sơ đồ quy trình	16
2.1.3. Phân tích và diễn giải quy trình.....	16
2.1.4. Tổ chức xuất khẩu cho 1 lô hàng FCL bằng đường biển từ Việt Nam đến Trung Quốc	19
2.2. Đánh giá tình hình thực hiện quy trình xuất khẩu	46
2.2.1. Đánh giá chung.....	46
2.2.2. Đánh giá bằng ma trận SWOT	54
KẾT LUẬN	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại hội nhập kinh tế hiện nay, nếu muốn tồn tại và phát triển, mỗi quốc gia không thể tự thu mình mà cần mở cửa giao thương với nhiều nước trên thế giới. Để đáp ứng được yêu cầu đó, ngành xuất nhập khẩu đã và đang đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của nước ta hiện nay. Thông qua hoạt động xuất khẩu, các quốc gia có thể phát huy được lợi thế của mình, khắc phục điểm yếu, từ đó thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Đồng thời, chúng ta cũng có thể nhanh chóng tiếp thu được trình độ kĩ thuật công nghệ tiên tiến, nắm bắt thị trường một cách nhanh chóng để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

Đối với các doanh nghiệp trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có nhiều cơ hội mở rộng quan hệ làm ăn buôn bán với nhiều đối tác nước ngoài, từng bước tham gia và tiếp cận vào thị trường thế giới. Qua đó đóng góp vào nguồn doanh thu của doanh nghiệp, đồng thời tiếp thu được nhiều kinh nghiệm trong quá trình kinh doanh, tổ chức quy trình xuất nhập khẩu, tạo cơ sở để các doanh nghiệp mở rộng thị trường và nâng cao khả năng sản xuất của mình.

Khi tham gia vào thị trường quốc tế, đồng nghĩa là các doanh nghiệp đang bước vào một môi trường cạnh tranh khốc liệt không chỉ giữa các doanh nghiệp mà còn giữa quốc gia này với quốc gia khác, vì vậy nếu muốn tồn tại và phát triển được thì các doanh nghiệp phải không ngừng quan tâm đến chất lượng sản phẩm để khẳng định được ưu thế của mình. Bên cạnh đó, nghiệp vụ tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu sao cho tối ưu và hiệu quả nhất cũng được quan tâm. Đây sẽ là một nhân tố thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, em xin phép thực hiện đề tài **“Nghiệp vụ xuất khẩu hàng nguyên container bằng đường biển tại công ty TNHH Hong Ik Vina năm 2024”**. Đề tài thực hiện dựa trên những kiến thức mà em đã học ở trường cùng với những kĩ năng thực tế trong quá trình thực tập vừa qua. Rất mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy Cô để Chuyên đề được hoàn thiện hơn

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH HONG IK VINA

1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty TNHH Hong Ik Vina

1.1.1. Giới thiệu chung:

Tên công ty: Công ty TNHH Hong Ik Vina

Tên quốc tế: HONG IK VINA CO., LTD

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước

Mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0301919894

Địa chỉ: Khu chế xuất Tân Thuận, đường số 18, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đại diện pháp luật: SOHN SU YOUNG

Điện thoại: (028) 37700185, (028) 37700186

Số fax: (028) 37700192

Email: hongikvina@hcm.fpt.vn



HONG IK VINA

Hình 1.1. Logo của công ty Hong Ik Vina

1.1.2. Lịch sử hình thành:

- Công ty TNHH Hong Ik Vina được thành lập ngày 17/01/2000, là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (Hàn Quốc) do ông Sohn Su Young làm Tổng giám đốc. Công ty chuyên gia công sản xuất đồ dùng nấu ăn bằng thép không gỉ (Inox) như: đĩa,

muỗng, nĩa, dao,... dùng trong gia đình, nhà hàng, khách sạn hay được bày bán trong các chuỗi siêu thị.

- Hơn 24 năm hoạt động, công ty đã phát triển nhanh chóng và mở rộng sản xuất, nâng vốn đầu tư, máy móc, trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Ngày 03/08/2010 công ty thực hiện xây dựng thêm nhà máy thứ hai đặt tại Bình Dương.
- Hiện tại nhà máy có gần 1000 cán bộ công nhân viên đang làm việc, trong đó có hơn 10 chuyên gia người Hàn Quốc có thâm niên kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm doanh nghiệp. Các mặt hàng sản xuất của nhà máy đáp ứng được nhu cầu nội địa và xuất khẩu với tiêu chuẩn cao theo yêu cầu của khách hàng.
- Hiện nay nhà máy đang nghiên cứu mở rộng sản xuất thêm các mặt hàng như xoong, chảo, đồ đựng thức ăn cao cấp từ vật liệu Inox phục vụ cho xuất khẩu.

1.1.3. Định hướng phát triển

- Nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 doanh thu tăng 9,78% so với thực hiện năm 2023. Các năm tiếp theo tăng trưởng ít nhất 10% một năm.
- Thực hiện đầu tư công nghệ, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, đổi mới máy móc thiết bị cũ, lạc hậu
- Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật, ổn định việc làm và thu nhập cho công nhân viên, tạo điều kiện gắn bó lâu dài với doanh nghiệp
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ, tối ưu hoạt động các bộ phận trong phòng ban
- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

1.1.4. Tầm nhìn, sứ mệnh

- Phát triển bền vững, không ngừng nâng cao cải tiến sản xuất, khẳng định mình là một trong những nhà máy chuyên nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực cutlery.
- Phát triển nguồn nhân lực, mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp tiên tiến.
- Đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường đồng thời thỏa mãn tối đa nhu cầu thị

trường trong nước.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:



Hình 1.2. Sản phẩm Dao – Muỗng – Nĩa của công ty Hong Ik Vina

- Công ty chuyên môn sản xuất các sản phẩm về Inox, Thép không gỉ. Dịch vụ và sản phẩm của công ty bao gồm: muỗng, nĩa, dao ăn,... - sản xuất và bán buôn nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng. Cả 2 nhà máy của Hong Ik Vina thì có 02 dây chuyền sản xuất muỗng và nĩa, 01 dây chuyền sản xuất dao cán rộng và cán đặc.

- Công ty trang bị những máy móc hiện đại có giá trị với công nghệ sản xuất của Nhật Bản và Châu Âu, Hong Ik Vina có thể cung cấp trên 160.000 sản phẩm mỗi ngày, với các loại vật liệu thép khác và luôn phong phú về loại hình đánh bóng như bóng gương, bóng mờ, xi cát, mạ màu PVD,...

- Công ty chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng và cung cấp đa dạng các loại đồ dùng, mẫu mã, chất lượng từ thấp đến cao phù hợp với tất cả đối tượng khách hàng trong và ngoài nước.

+ **Dao:** Steak Knife s.h, Fish knife, Dessert knife s.h, Butter knife, s.h,...

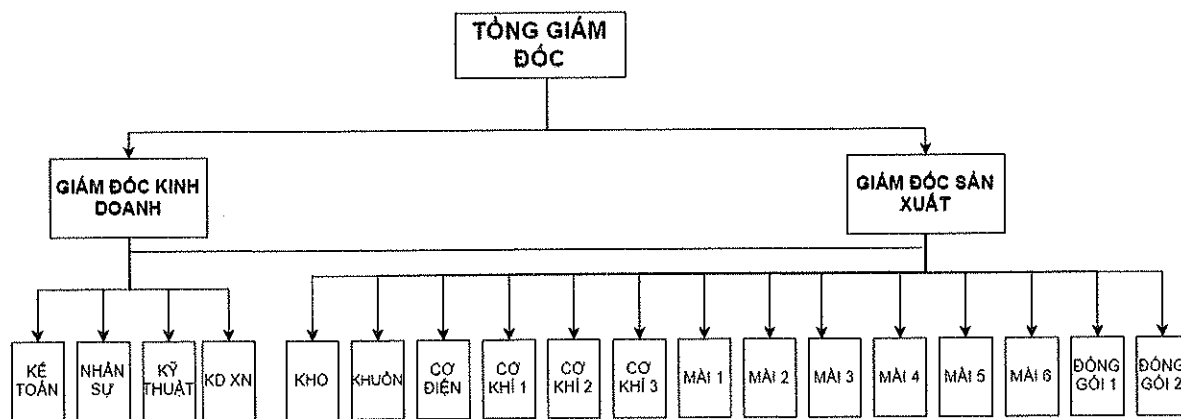
+ **Muỗng/Nĩa:** Dessert spoon, French sauce spoon, Serving spoon, Bouillon spoon, Ice tea spoon, Table spoon, Dessert fork, Table fork, Teaspoon, Fish fork, Serving fork,...

+ **Khác:** Cake server, Ladle,...

1.3. Cơ cấu tổ chức

1.3.1. Bộ máy tổ chức

- Công ty đã xây dựng các phòng ban và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban và các nhân viên trong phòng ban đó. Các bộ phận sản xuất và chuyên gia, lãnh đạo hỗ trợ, trao đổi thông tin với nhau một cách thông suốt được thể hiện rõ ràng trên sơ đồ tổ chức của công ty.
- Công ty TNHH Hong Ik Vina có ban giám đốc gồm 3 người: 1 Tổng Giám đốc, 1 Giám đốc kinh doanh, 1 Giám đốc sản xuất. Bên dưới có 9 bộ phận tham gia quản lý và trực tiếp điều hành việc sản xuất của doanh nghiệp, trong đó gồm 4 phòng đó là: Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính- Nhân sự, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kinh doanh - Xuất Nhập khẩu và 5 bộ phận sản xuất. Các bộ phận phục vụ sản xuất là các phân xưởng sản xuất gồm: bộ phận kho, bộ phận khuôn mẫu, bộ phận cơ điện, bộ phận mài và bộ phận đóng gói.



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức của công ty TNHH Hong Ik Vina năm 2023

1.3.2. Chức năng của các phòng ban:

- **Tổng Giám đốc:** là đại diện pháp nhân của công ty, người có chức vụ điều hành cao nhất đối với toàn bộ hoạt động của một công ty. Giám đốc xác định và hoạch định chiến lược tổng thể cho doanh nghiệp đồng thời đưa ra các quyết định, phê duyệt các hoạt động trong công ty để đạt được kết quả kinh doanh và tăng trưởng.

- **Giám đốc kinh doanh:** Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc công ty về công tác tổ chức kinh doanh và hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, thực hiện quyền điều hành và quản lý 4 phòng: phòng Tài chính - Kế toán, phòng Hành chính - Nhân sự, phòng Kỹ thuật và phòng Kinh doanh - Xuất Nhập. Trong đó chức năng của các phòng ban do các trưởng phòng phân chia điều hành và chịu trách nhiệm điều hành các công việc, gồm:

+ Phòng Tài chính – Kế toán: thực hiện công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo quy định của Nhà nước, quản lý về sổ sách và tiền bạc của công ty: trả lương nhân viên, chi mua nguyên vật liệu, tạo quỹ phúc lợi, quỹ phòng ngừa rủi ro, đóng bảo hiểm cho người lao động, kế toán thuế, lập báo cáo tài chính... Phối hợp với các phòng ban khác tạo nên mạng lưới thông tin về quản lý tài chính, nhân sự.

+ Phòng Hành chính – Nhân sự: có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, quản lý và tuyển dụng nhân sự, bố trí các lao động ở vị trí việc làm phù hợp để đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất. Triển khai các nội quy của công ty, hoạt động khen thưởng, hoạt động phúc lợi. đào tạo nhân viên mới, giải quyết thủ tục nghỉ việc, sa thải cho nhân viên cũ...

+ Phòng Kỹ thuật: tổ chức thực hiện công việc như việc thiết kế, chế tạo, vận hành những công trình, máy móc, quy trình, và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất. Phòng kỹ thuật có chức năng nghiên cứu, tư vấn, tham mưu và đề xuất giải pháp liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, việc sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất, kế hoạch và các dự án của công ty. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

+ Phòng Kinh doanh - Xuất Nhập: có nhiệm vụ điều phối toàn bộ quá trình cung ứng của doanh nghiệp. liên hệ khách hàng, tổ chức liên quan đến các vấn đề về xuất nhập khẩu như làm hồ sơ, thủ tục hải quan, thanh toán quốc tế, tìm kiếm khách hàng,...Lập và triển khai các kế hoạch nhận hàng, xuất hàng nhằm đáp ứng yêu cầu

sản xuất và yêu cầu của khách hàng. Thực hiện và giám sát việc mở tờ khai để nhận hàng, xuất hàng đúng thời hạn yêu cầu. Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan, giải quyết các khiếu nại, các vấn đề phát sinh liên quan. Đề xuất với cấp trên trực tiếp về mỗi ý tưởng sáng tạo nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận.

- **Giám đốc sản xuất:** Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về công tác sản xuất, chịu trách nhiệm điều hành 5 bộ phận sản xuất: bộ phận kho, bộ phận khuôn mẫu, bộ phận cơ điện, bộ phận đóng gói, bộ phận mài.

Các phòng ban và bộ phận sản xuất tùy theo chức năng của mình sẽ thực hiện sản xuất và làm công tác tham mưu cho cấp trên.

1.4. Tình hình nhân sự:

Bảng 1.1. Phân bố nhân sự theo phòng ban của công ty TNHH Hong Ik Vina 2023

Đơn vị: Người

STT	Bộ phận	Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch
		Số lao động	Tỷ trọng (%)	Số lao động	Tỷ trọng (%)	
1	Ban giám đốc	3	0,33	3	0,31	0
2	Phòng kế toán	16	1,73	15	1,57	-1
3	Phòng nhân sự	16	1,73	18	1,88	2
4	Phòng kinh doanh - xuất nhập khẩu	18	1,95	20	2,09	2
5	Phòng kỹ thuật	15	1,63	16	1,67	1
6	Bộ phận kho	16	1,73	16	1,67	0
7	Bộ phận cơ điện, cơ khí	182	19,72	187	19,56	5

8	Bộ phận khuôn mẫu	220	23,84	237	24,79	17
9	Bộ phận mài	230	24,92	232	24,27	2
10	Bộ phận đóng gói	207	22,43	212	22,18	5
	Tổng	923	100,00	956	100,00	33

➤ **Nhận xét:**

Hiện tại công ty TNHH Hong Ik Vina có gần 1000 cán bộ công nhân viên trong cả 2 nhà máy tại TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương. Cụ thể số CBCNV của công ty trong năm 2023 là 956 người, tăng 3,58% so với năm 2022, tương ứng tăng 33 người, sự gia tăng chủ yếu do nhân viên trong khâu sản xuất tăng. Do đặc điểm là doanh nghiệp sản xuất nên số lượng lao động tay nghề chiếm đa số và có dễ biến động qua các năm, bao gồm bộ phận cơ điện, khuôn mẫu, mài và đóng gói,...chiếm tỷ trọng cao (trên 19%) và có xu hướng tăng trong năm 2023 chứng tỏ doanh nghiệp đã thực hiện mở rộng sản xuất, tuyển thêm công nhân làm việc để nâng cao sản lượng, bộ phận khuôn mẫu được quan tâm nhiều nhất với việc tăng 17 nhân viên thể hiện doanh nghiệp đã chú trọng chất lượng sản phẩm đầu ra để hạn chế sai sót ảnh hưởng đến các quy trình phía sau. Trong khi đó ban lãnh đạo và các đơn vị quản lý văn phòng chiếm tỷ trọng thấp hơn dưới sự quản lý và điều hành các chuyên gia người Hàn Quốc và giám đốc Sohn Su Young. Qua số liệu, ta thấy đa số các bộ phận kinh doanh đều có xu hướng tăng số lượng cán bộ nhân viên, bao gồm phòng kỹ thuật, phòng nhân sự, phòng kinh doanh – xuất nhập khẩu (tăng từ 1 đến 2 người) cho thấy doanh nghiệp vừa thực hiện mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời cũng thực hiện quan tâm chú trọng đến công tác quản lý điều hành và hoàn thiện đội ngũ xuất nhập khẩu để gia tăng lợi nhuận cho công ty.

Bảng 1.2. Tình hình nhân sự theo giới tính, độ tuổi và trình độ của công ty TNHH Hong Ik Vina năm 2023

Đơn vị: Người

		Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	
Theo giới tính	<i>Nam</i>	642	69,52	600	62,76	-6,76
	<i>Nữ</i>	281	30,48	356	37,24	6,76
Theo độ tuổi	<i>Dưới 30 tuổi</i>	471	51,03	548	57,32	6,29
	<i>Trên 30 đến 40 tuổi</i>	434	47,02	387	40,48	-6,54
	<i>Trên 40 tuổi</i>	18	1,95	21	2,20	0,25
Theo trình độ	<i>Trên Đại học</i>	12	1,30	13	1,36	0,06
	<i>Đại học</i>	53	5,74	56	5,86	0,12
	<i>Cao đẳng</i>	32	3,47	35	3,66	0,19
	<i>Trung cấp, khác</i>	826	89,49	852	89,12	-0,37
Tổng			923		956	

➤ **Nhận xét:**

- Tỷ trọng nguồn lực nhân viên theo giới tính nam nữ năm 2023 có sự chênh lệch rõ rệt: tỷ lệ giới tính nam chiếm 62,76% cao hơn gần 2 lần so với nữ với 37,24%. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do tính chất công việc trong doanh nghiệp đòi hỏi người lao động có sức khỏe tốt và có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc phức tạp ở các bộ phận như: cơ khí, cơ điện, đúc khuôn và mài Inox,... đây là những công việc đòi hỏi nguồn nhân lực lớn và ổn định. Trong khi đó tỷ lệ nhân viên nữ chiếm tỷ trọng ít hơn phù hợp với công việc đóng gói và nhân viên văn phòng. Sự chênh lệch nam nữ có sự

thay đổi theo hướng tăng nam (6,76%), giảm nữ so với năm 2022, đây là điều tích cực của doanh nghiệp đã tạo điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời thu hút được người lao động nữ có trình độ tay nghề cao vào làm việc.

- Về cơ cấu nguồn lực nhân viên theo độ tuổi năm 2023 có sự chênh lệch không lớn giữa lao động từ dưới 30 tuổi (57,32%) và từ trên 30 đến 40 tuổi (40,48%), chiếm tỷ trọng ít nhất là trên 40 tuổi với 2,2%. Như vậy hiện tại công ty có đội ngũ lao động trẻ với tỷ lệ 57,32% và có xu hướng tăng so với năm 2022 là 6,76%, đây là một ưu điểm lớn của doanh nghiệp, nguồn nhân lực trẻ với sức khỏe tốt và năng động nhiệt huyết trong công việc, có khả năng thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc và sẵn sàng tăng ca sẽ giúp nâng cao năng suất sản xuất đáp ứng nhu cầu cấp thiết của công ty. Đồng thời tỷ lệ người lao động từ trên 30 tuổi chiếm tỷ trọng khá cao, đây là những lao động lâu năm trong nghề, qua 24 năm công ty bắt đầu hoạt động cho đến nay đã có được một lực lượng lao động có tay nghề cao và am hiểu hoạt động của công ty, tỷ lệ người lao động giảm 6,54% so với năm 2022 thể hiện doanh nghiệp đang thực hiện trẻ hóa người lao động, có thể lao động lớn tuổi không thể đáp ứng các yêu cầu lao động của doanh nghiệp, tuy nhiên điều này cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc giữ được sự ổn định trong khâu quản lý chất lượng bởi những lao động có tay nghề cao và sẽ tốn thêm thời gian để đào tạo lại nguồn nhân lực mới.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty chiếm đa số là người lao động chưa qua đào tạo trình độ cao với 89,12% vào năm 2023, do tính chất của doanh nghiệp sản xuất theo dây chuyền nên chủ yếu là công nhân làm việc trong các nhà xưởng chiếm tỷ trọng lớn, không cần đào tạo kiến thức, kỹ năng cao nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu công việc. Trình độ trên Đại học và Đại học là đội ngũ chủ yếu thực hiện công tác quản lý điều hành doanh nghiệp trong cơ cấu tổ chức của công ty vì vậy đòi hỏi phải có kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn cao, tỷ lệ người lao động này chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp, xu hướng tăng số lao động có trình độ cao so với năm 2022 cho thấy doanh nghiệp rất quan tâm đến công

tác đào tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty trong năm 2023, công ty đã tích cực thực hiện tuyển chọn, thu hút người lao động ưu tú về làm việc . Nhìn chung cơ cấu nhân viên theo trình độ của công ty khá phù hợp với cơ chế hoạt động của doanh nghiệp, tuy nhiên để có thể nâng cao hiệu quả sản xuất, xâm nhập thị trường, hay khả năng vận dụng và định hướng công ty theo hướng ngày càng hiện đại hơn thì công ty cần phải không ngừng đào tạo nâng cao trình độ người lao động, thực hiện quản trị nhân lực có hiệu quả để thu hút người lao động có trình độ cao phục vụ cho công ty.

1.5. Đánh giá kết quả kinh doanh của công ty năm 2023

Bảng 1.3: Kết quả kinh doanh của công ty Hong Ik Vina năm 2022 và 2023

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.993.483.773	505.876.245.984	21.882.762.211	104,5
2	Các khoản giảm trừ doanh thu				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.993.483.773	505.876.245.984	21.882.762.211	104,5
4	Giá vốn hàng bán	410.976.465.342	447.986.357.975	37.009.892.633	109,0
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.017.018.431	57.889.888.009	(15.127.130.422)	79,2
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12.877.645.988	16.728.587.685	3.850.941.697	129,9
7	Chi phí tài chính	1.245.677.249	899.765.400	(345.911.849)	72,2
8	Chi phí bán hàng	1.698.766.544	1.796.552.690	97.786.146	105,7
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.876.342.678	12.484.300.987	607.958.309	105,1
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.073.877.948	59.437.856.617	(11.636.021.331)	83,6
11	Thu nhập khác	12.985.577	149.553.887	136.568.310	29,9
12	Chi phí khác	25.987.657		(25.987.657)	
13	Lợi nhuận khác	(13.002.080)	149.553.887	162.555.967	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.060.875.868	59.587.410.504	(11.473.465.364)	83,8
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.412.029.711	11.124.373.667	(2.287.656.044)	82,9
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.648.846.157	48.463.036.837	(9.185.809.320)	84,0

➤ **Nhận xét:**

- Qua số liệu ta thấy, doanh thu của công ty năm 2023 đạt 505.876.245.984 đồng, tăng 4,52% so với năm 2022 tương ứng tăng 21.882.762.211 đồng, doanh thu tăng do hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao, chính sách quản lý kịp thời và hiệu quả

đã góp phần ổn định nguồn lao động doanh nghiệp, các đơn đặt hàng đảm bảo được hoàn thành, trong năm vừa qua, công ty cũng đẩy mạnh bán hàng tại thị trường trong nước và xuất khẩu để phục hồi hoạt động sau Covid 19, bên cạnh thị trường quen thuộc ở châu Âu và châu Úc, công ty mở rộng vào các thị trường mới ở Trung Đông như: Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ. Đồng thời việc có được 1 nguồn khách hàng bền vững cũng đã giúp doanh thu của công ty được ổn định, sản phẩm chính của công ty là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không có sự biến động nhiều như những sản phẩm khác, công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

- Trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2023 đạt 447.986.357.975 đồng, tăng 9,01% so với năm 2022 tương ứng tăng 37.009.892.633 đồng, chủ yếu do giá cả vật tư thu mua biến động thất thường bởi ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh thế giới đối với nền kinh tế. Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của công ty là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Trong năm 2023, chỉ số lạm phát gia tăng (Theo công bố của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022) đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào, giá nhân công,...
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 16.728.587.658 đồng, tăng 29,9% so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do các khoản lãi tiền gửi, tiền cho vay của công ty năm 2023 tăng mạnh, đồng thời hoạt động xuất khẩu chủ yếu dùng ngoại tệ USD, bình quân 9 tháng đầu năm 2023, tỷ giá VND/USD tăng 2.34% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là động lực xuất khẩu cho công ty nhằm gia tăng doanh thu từ chênh lệch tỷ giá.
- Chi phí tài chính năm 2023 đạt 899.765.400 đồng, giảm 27,77% so với năm 2022.

Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm liên tục 4 lần các mức lãi suất, với mức giảm 0,5 - 2,0%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao. Ngân hàng Nhà nước cũng chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay hỗ trợ phục hồi các doanh nghiệp tái sản xuất.

- Chi phí bán hàng năm 2023 đạt 1.796.552.690 đồng, tăng 5.76% so với năm 2022. Đồng thời Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 12.484.300.987 đồng, tăng 5,12% so với năm 2022. Sự gia tăng của 2 chi phí này chủ yếu là do trong năm doanh nghiệp thực hiện chú trọng đào tạo nhân lực và môi trường làm việc tại các phòng ban để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp, tạo điều kiện tích cực tìm kiếm nguồn khách hàng nhằm gia tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

- Thu nhập khác năm 2023 đạt 149.533.887 đồng, tăng mạnh so với năm 2022 do công ty thực hiện thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định để đổi mới quy trình sản xuất, bao gồm các thiết kế Dao – Muỗng – Nĩa theo công nghệ mới.

- Chi phí khác không phát sinh trong năm 2023, đây là dấu hiệu tích cực của doanh nghiệp, không có các chi phí phạt sai phạm hành chính, công tác quản lý và kiểm tra đạt được hiệu quả tốt.

=> Như vậy dù doanh thu thuần của công ty năm 2023 chiếm tỷ trọng cao và có tốc độ tăng 4,52%, trong khi đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao lại tăng với tốc độ cao hơn là 9,01% (các khoản chi phí khác có tăng nhưng chiếm tỷ trọng và tốc độ tăng thấp) đã làm cho lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2023 giảm 17,06% và lợi nhuận sau thuế giảm 15,93% so với năm 2022, chỉ đạt 48.463.036.837 đồng. Nhìn chung hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đem lại nguồn lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh tốt, tuy nhiên doanh nghiệp cần xem xét các vấn đề liên quan đến chi phí để giảm rủi ro, công ty cần quan tâm đến công tác dự báo thị trường và chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp phù hợp và uy tín.

CHƯƠNG 2: NGHIỆP VỤ XUẤT KHẨU HÀNG NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH HONG IK VINA NĂM 2024

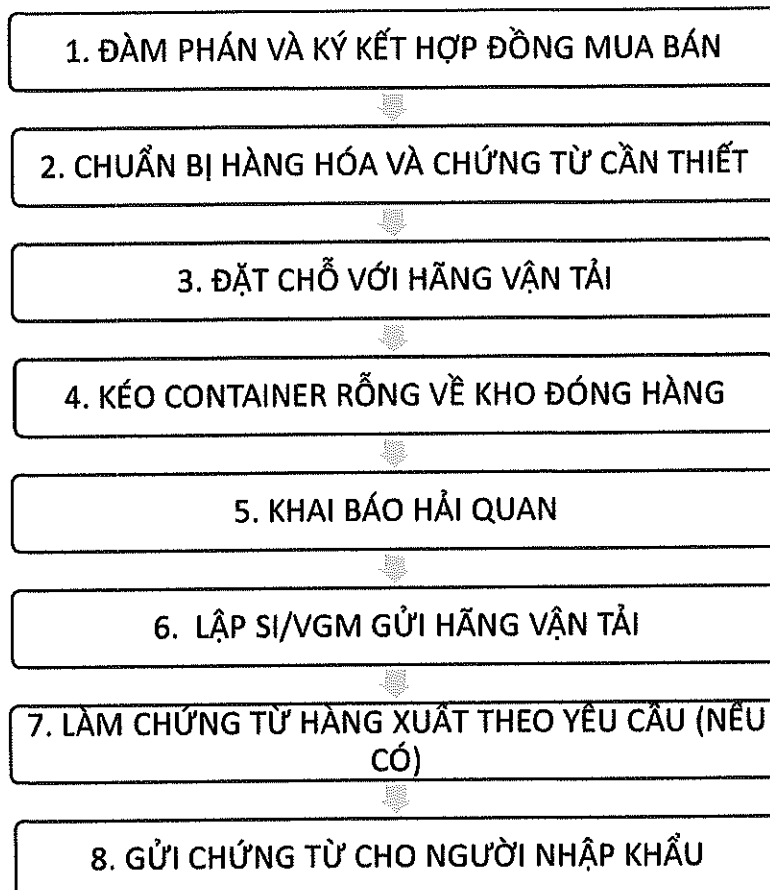
2.1. Quy trình hoạt động xuất khẩu tại công ty TNHH Hong Ik Vina

2.1.1. Các bên liên quan

- *Nhà nhập khẩu (khách hàng quốc tế)*: là đối tác của doanh nghiệp có nhu cầu mua sản phẩm của công ty. Họ sẽ phải xác định rõ các sản phẩm cần mua bao gồm tất cả các yếu tố về chất lượng, mẫu mã, số lượng, các yêu cầu về thông số kỹ thuật... để đưa ra đơn đặt hàng cho doanh nghiệp sản xuất
- *Nhà xuất khẩu (công ty)*: là nhà sản xuất có sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, theo đó nhà xuất khẩu xem xét và đánh giá khả năng thực hiện theo yêu cầu của đối tác đề ra, liên hệ, thương lượng (qua mail) để đưa ra mức giá và điều kiện phù hợp nhất có lợi cho công ty, phối hợp tổ chức thực hiện lô hàng xuất khẩu theo đúng quy trình
- *Forwarder*: đây là một bên trung gian, đứng ra tổ chức tiếp nhận và luân chuyển hàng hóa hoặc làm các công việc mà bên thuê yêu cầu thay cho nhà xuất khẩu/nhập khẩu trong quá trình từ nơi sản xuất đến điểm đích cuối cùng.
- *Hãng tàu*: là nơi cung cấp dịch vụ vận tải container đường biển từ cảng xuất đến cảng nhập, cấp container rỗng cho chủ hàng, lên lịch vận chuyển,... đảm bảo hàng hóa được vận chuyển an toàn, nguyên vẹn từ cảng đi đến cảng đến.
- *Vận tải nội địa*: thực hiện vận chuyển, bốc xếp, lưu kho hàng hóa từ bãi đến kho và từ kho đến cảng
- *Hải quan*: kiểm tra, xác minh thông tin, thu thuế hải quan... nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định Nhà nước và bảo vệ lợi ích của quốc gia, đảm bảo hàng hóa và phương tiện vận tải được xuất khẩu hoặc nhập khẩu qua biên giới hợp pháp và an toàn.
- *Cảng xuất*: thực hiện các công việc trung chuyển hàng hóa từ đường biển sang đường bộ/sắt và ngược lại với các hoạt động như vận chuyển, lưu kho bãi, bảo quản hàng hóa trong cảng và xếp dỡ hàng hóa lên tàu, hỗ trợ các dịch vụ khi tàu đến và rời cảng

- *Chuyên ngành xuất khẩu*: các tổ chức chuyên thực hiện cấp phát các loại giấy tờ đặc biệt liên quan để đảm bảo đủ điều kiện xuất khẩu cho doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện để các bên được hưởng các ưu đãi theo quy định như: Bảo hiểm hàng hóa, Giấy chứng nhận xuất xứ, kiểm dịch, hun trùng,...

2.1.2. Sơ đồ quy trình



Sơ đồ 1: Quy trình xuất khẩu chung

2.1.3. Phân tích và diễn giải quy trình

Bước 1: Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với khách hàng, cả 2 cùng thống nhất nội dung hợp đồng bao gồm những điều khoản và nghĩa vụ các bên như:

- Thông tin hàng hóa
- Cảng đi và cảng đến của lô hàng

- Thời gian công ty cam kết giao hàng
- Điều khoản giao hàng (Theo Incoterm: FOB, CIF,...)
- Hình thức thanh toán
- Cách thức đóng hàng
- Các điều khoản khác

Bước 2: Chuẩn bị hàng hóa và chứng từ cần thiết

- Dựa vào đơn đặt hàng hoặc hợp đồng thương mại, công ty chuẩn bị hàng hóa xuất khẩu theo đúng tên hàng, đúng số lượng, chất lượng, quy cách bao bì, ký mã hiệu mà người mua đưa ra.
- Công ty dựa vào kế hoạch xuất hàng để làm Phiếu đóng gói (Packing list), chuẩn bị các giấy tờ cần thiết: Commercial Invoice, Export License (nếu có),...

Bước 3: Đặt chỗ với hãng vận tải

- Căn cứ vào điều khoản Incoterm áp dụng trên hợp đồng, công ty tiến hành thu xếp chỗ với hãng vận tải đúng với điều kiện đã kí.
- Nếu điều kiện giao hàng là CIF (hay điều kiện nhóm C hoặc D), công ty sẽ chủ động liên hệ với hãng tàu (Shipping lines) hoặc công ty giao nhận vận chuyển (Forwarder) để ký thỏa thuận lưu khoang (Booking note) cho lô hàng xuất khẩu.
 - Nếu điều kiện giao hàng là FOB thì phía khách hàng sẽ chỉ định đặt hãng tàu (Shipping lines) hoặc Forwarder mà họ chọn và thông báo cho công ty để phối hợp, liên hệ với hãng tàu (lines) hoặc Forwarder đó để lấy Booking.

Bước 4: Kéo container rỗng về kho đóng hàng

- Dùng Booking của hãng tàu để lấy vỏ container rỗng (mỗi hãng tàu sẽ có quy định khác nhau để có thể lấy được container rỗng, vì vậy công ty sẽ xem xét theo yêu cầu của từng hãng tàu để thực hiện đúng quy trình)
- Kéo vỏ container từ bãi cập rỗng về kho của công ty để đóng hàng
- Đóng hàng và niêm phong kẹp chì (bấm seal) bên ngoài container.
- Sau khi đóng hàng xong, công ty thực hiện khai Eport, đưa hàng đến cảng và đóng

phí hạ container để lấy phiếu EIR, thực hiện hạ container xuống bãi container của cảng.

Bước 5: Khai báo hải quan

- Thực hiện khai báo Hải quan trên phần mềm hải quan điện tử ECUS5 - VNACCS để nhập dữ liệu các chứng từ đã lập: Booking (cảng đi, cảng đến, thời gian tàu cutoff, tàu chạy, tên tàu, chuyến tàu,...); Sale Contract (Hợp đồng ngoại thương); Invoice (Hóa đơn thương mại), Packing list (Phiếu đóng gói), mã định danh (lấy từ phần mềm khai báo Hải quan/trang web Hải quan một cửa quốc gia).

- Kiểm tra lại tính đồng bộ của bộ chứng từ xuất khẩu (Trọng lượng, số kiện, số lượng hàng, mã HS, cảng đi, cảng đến, tên người nhận, phương thức thanh toán, đồng tiền thanh toán, điều kiện giao hàng,...)

- Kết quả khai báo Hải quan:

+ Tờ khai luồng xanh nghĩa là tờ khai đã thông quan

+ Tờ khai luồng vàng nghĩa là tờ khai chưa thông quan, công ty sẽ nhờ Hải quan xem xét hồ sơ và nộp thuế (nếu có) để được thông quan

+ Tờ khai luồng đỏ nghĩa là tờ khai chưa thông quan, Hải quan sẽ kiểm tra thực tế hàng hóa, công ty thực hiện theo đúng quy định và nộp thuế (nếu có) để được thông quan.

- Sau khi khai báo xong, nhân viên chứng từ thực hiện in mã vạch trên phần mềm.

Sau khi hải quan trả lại cho mình tờ khai thông quan, xuống văn phòng đội giám sát để nộp hồ sơ để thanh lý gồm:

- Tờ khai thông quan
- Mã vạch

Cán bộ hải quan sẽ tiến hành kiểm tra, xong họ sẽ đóng dấu mộc lên mã vạch và trả lại tờ khai gốc cùng mã vạch đã được đóng dấu hải quan.

- Vô số tàu theo thời gian quy định (trước thời gian cutoff): nộp tờ khai gốc + mã vạch đã đóng dấu hải quan vào bộ phận giám sát tàu xuất, sau đó họ sẽ nhập máy và in 2 phiếu xác nhận, ta sẽ kí tên và nhớ ghi số điện thoại vào. Đội vô số tàu giữ một liên, liên còn lại mình giữ.

Bước 6: Lập SI/VGM gửi hãng vận tải

- Nhân viên chứng từ sẽ làm làm SI (Shipping Instruction) gửi cho hãng tàu để phát hành B/L dựa trên số liệu thực tế xuất khẩu (số lượng hàng hóa, số cont/seal,...). SI sẽ được trình bày trên Excel. Có 2 cách khai báo SI:

+ Khai báo qua trực tiếp cho hãng tàu/Forwarder hoặc qua email.

+ Khai báo trực tuyến trên website của hãng tàu/Forwarder.

- Gửi VGM và SI trước thời gian cut off trên Booking để kịp phát hành vận đơn.

Hãng tàu sẽ gửi lại Draft Bill cho công ty để xác nhận trong thời gian xác định.

Khi tàu chạy, bên vận chuyển sẽ gửi cho công ty Vận đơn gốc (Original B/L). Nhân viên chứng từ sẽ kiểm tra lại các thông tin trên B/L để tránh sai sót và sửa chữa kịp thời.

Bước 7: Làm chứng từ hàng xuất theo yêu cầu khách hàng (nếu có)

- Bảo hiểm hàng hóa (Cargo Insurance)

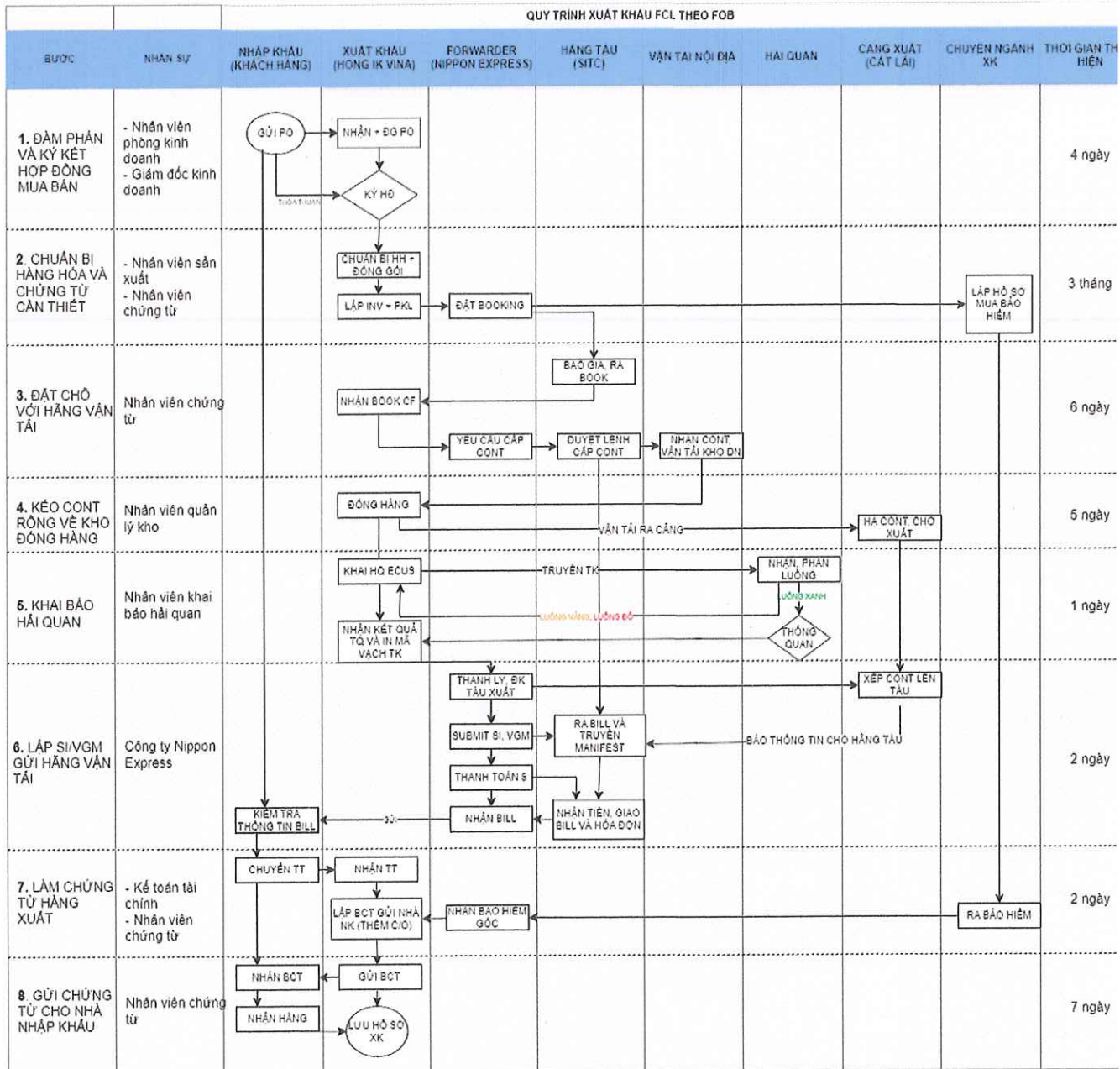
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

- Các loại giấy tờ khác

Bước 8: Gửi chứng từ cho người nhập khẩu

Khi đã có bộ chứng từ, công ty sẽ gửi cho người bán bộ chứng từ gốc, theo số lượng đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán. Có thể gửi bằng mail hoặc chuyển phát nhanh tùy vào thỏa thuận hình thức thanh toán.

2.1.4. Tổ chức xuất khẩu cho 1 lô hàng FCL bằng đường biển từ Việt Nam đến Trung Quốc



Sơ đồ 2: Quy trình xuất khẩu đơn hàng chi tiết chuẩn SOP

Bước 1: Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán

Khách hàng trong đơn hàng này đã từng hợp tác và có mối quan hệ gần gũi, công ty sẽ thực hiện hợp đồng thông qua đơn đặt hàng (PO – Purchase Order).

➤ Nội dung trong P/O:

*** Mã đơn hàng: 18002**

- Ngày gửi PO: 18/10/2023

- Thông tin người bán:

Hong Ik Vina Co., Ltd

18th, Rd Dist 7

Tan Thuan Export Processing Zone

HOCHIMING CITY, VIETNAM

- Thông tin người mua:

- Điều kiện giao hàng (Incoterms): FOB

- Nơi đi: thành phố Hồ Chí Minh

- Nơi đến: Trung Quốc

- Điều kiện thanh toán (Terms of Payment): T/T. Đơn vị tiền tệ thanh toán: USD

- Ngày giao hàng: 31/01/2024

- Mô tả hàng hóa và đơn giá (chi tiết trong PO):

+ Tổng số lượng: 133,560 pcs (cái)

+ Tổng tiền: 82,562.20 USD

- Quy cách đóng gói:

1. Logo Muji bằng khắc

2. Lô # “240124” hộp bên trong và thùng carton bên ngoài

3. Mỗi sản phẩm có nhãn RK được cung cấp bởi Yaxell

4. Mã vạch được in vào hộp bên trong

CORPORATION

HEAD OFFICE & FACTORY

BRANCH OFFICES : TOKYO-OSAKA-NIIGATA-HONG KONG-LIAOYANG(CHINA)

PURCHASE ORDER

Messrs: HONG IK VINA CO., LTD.
TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE, 18TH ROAD,
DIST. 7, HCMC, VIETNAM

No. 18002
Date: 2023/10/18

Payment: T/T

Shipping Mark

AS PER RK SPEC.
IN JAPANESE

Delivery Date: JANUARY 31, 2024

From: HO CHI MINH

To : CHINA

TradeTerms : F.O.B. HO CHI MINH

Nos.	Description	Quantity	Unit Price	Amount
10078C	RK-JM COFFEE SPOON 18-8 S/S 2.8mm SATIN FINISH JAN: 4550344521700 STAINLESS STEEL COFFEE SPOON	4,320 PCS	US\$0.39	US\$1,684.80
12020C	RK-3 SPOON-S 136mm 18-8 S/S 2.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521724 STAINLESS STEEL SPOON/S	16,560 PCS	US\$0.41	US\$6,789.60
12017C	RK-3 SPOON-L 190mm 18-8 S/S 2.2mm SATIN FINISH JAN: 4550344521731 STAINLESS STEEL SPOON/L	6,720 PCS	US\$0.59	US\$3,964.80
10068C	RK-JM TEA SPOON 18-8 S/S 3.5mm SATIN FINISH JAN: 4550344521748 STAINLESS STEEL TEA SPOON	11,520 PCS	US\$0.46	US\$5,299.20
10079C	RK-JM CAKE FORK 18-8 S/S 3.5mm SATIN FINISH JAN: 4550344521755 STAINLESS STEEL TEA FORK	4,320 PCS	US\$0.46	US\$1,987.20
10062C	RK-JM TABLE SPOON 18-8 S/S 4.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521762 STAINLESS STEEL TABLE SPOON	18,840 PCS	US\$0.94	US\$17,709.60
10063C	RK-JM TABLE FORK 18-8 S/S 4.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521786 STAINLESS STEEL TABLE FORK	3,600 PCS	US\$0.94	US\$3,384.00

- To be continued -

WITH THANKS ALWAYS

CORPORATION

HEAD OFFICE & FACTORY

BRANCH OFFICES : TOKYO-OSAKA-NIIGATA-HONG KONG-LIAOYANG(CHINA)

No. 18002

PAGE- 2

Nos.	Description	Quantity	Unit Price	Amount
10065C	RK-JM DESSERT SPOON 18-8 S/S 4.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521793 STAINLESS STEEL DESSERT SPOON	20,520 PCS	US\$0.74	US\$15,184.80
10066C	RK-JM DESSERT FORK 18-8 S/S 4.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521816 STAINLESS STEEL DESSERT FORK	7,200 PCS	US\$0.74	US\$5,328.00
10071C	RK-JM BUTTER SPREADER 18-8 S/S 5.0mm SATIN FINISH WITHOUT CUTTING EDGE JAN: 4550344521830 STAINLESS STEEL BUTTER SPREADER	4,440 PCS	US\$0.81	US\$3,596.40
12021C	RK-3 FORK-S 140mm 18-8 S/S 2.0mm SATIN FINISH JAN: 4550344521847 STAINLESS STEEL FORK/S	16,920 PCS	US\$0.41	US\$6,937.20
12018C	RK-3 FORK-L 195mm 18-8 S/S 2.2mm SATIN FINISH JAN: 4550344521854 STAINLESS STEEL FORK/L	6,000 PCS	US\$0.59	US\$3,540.00
10070C	RK-JM LONG DRINK SPOON 18-8 S/S 3.5mm SATIN FINISH JAN: 4550344521861 STAINLESS STEEL LONG SPOON	6,720 PCS	US\$0.61	US\$4,099.20
12023C	RK-3 MUDDLER 200mm 18-8 S/S 2.5mm SATIN FINISH JAN: 4550583866211	5,880 PCS	US\$0.52	US\$3,057.60
TOTAL:		133,560 PCS *****		US\$82,562.40 *****

REMARKS:

- MUJI LOGO BY ETCHING.
- LOT# "240124" IS REQUIRED ON INNER BOX AND OUTER CARTON.
- EACH WITH RK LABEL SUPPLIED BY YAXELL.
- BAR CODE SHOULD BE PRINTED ONTO INNER BOX.

Manager

WITH THANKS ALWAYS

Hinh 2.1. PO – Purchase Order

Bước 2: Chuẩn bị hàng hóa và chứng từ cần thiết

- Dựa vào PO, công ty tiến hành sản xuất và đóng gói sản phẩm. Công ty sẽ thông báo cho khách hàng biết về thời gian sản xuất xong sản phẩm trong thời hạn trước 1 tuần để người bán có thể liên hệ với Forwarder chuẩn bị cho bước xuất khẩu.
- Chuẩn bị các chứng từ cần thiết như Commerical Invoice và Parking List:

Nội dung Commerical Invoice:

1. Người gửi hàng: Hong Ik Vina Co., Ltd
2. Người nhận hàng: ***, JingAn District, Shanghai City CHINA
3. Bên thông báo: NIPPON EXPRESS (SHANGHAI) CO.,LTD
4. Cảng xếp hàng: Cảng Ho Chi Minh, Vietnam (Theo điều kiện FOB bất cứ cảng nào ở Việt Nam)
5. Nơi giao hàng: SHANGHAI, CHINA
6. Tàu biển: SITC KANTO 2405N
7. Thời gian khởi hành: khoảng ngày 06 tháng 2 năm 2024
8. Số hóa đơn: SHGSG240303H010, ngày lập: 15/01/2024
9. Hình thức thanh toán: T/T
11. Ngân hàng thụ hưởng (tài khoản ngân hàng của công ty TNHH Hong Ik Vina)
12. Ghi chú trên nhãn vận chuyển, đóng gói
- 13,14,15,16. Mô tả hàng hóa, số lượng và đơn giá

Thông tin hàng hóa:

- + Loại hàng hóa: Đồ dùng thép không gỉ
- + Tổng số lượng: 133,560 PCS (chiếc)
- + Tổng giá: 82,562.40 USD

COMMERCIAL INVOICE

1. Shipper / Exporter HONG IK VINA CO.,LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE 16TH ROAD DIST 7 HOCHIMINH CITY, VIETNAM		8. No. & Date of Invoice SHGSG240303H010 15-Jan-24	
2. Consignee <div style="background-color: #f0f0f0; height: 50px; width: 100%;"></div>		9. No. & Date of L/C T/T 11. Beneficiary Bank : HONG IK VINA CO., LTD ACCOUNT NO (USD) : 238-670-88261 BANK NAME SHINHAN BANK VIET NAM SWIFT CODE : SHBKVNXX BANK ADDRESS: 11TH FL. CENTEC TOWER, 72-74, NGUYEN THI MINH KHAI ST DIST3, HCMC	
3. Notify Party NIPPON EXPRESS (SHANGHAI) CO.,LTD C12, 11F, SHANGHAI MART, NO 2299 WEST YAN AN ROAD SHANGHAI 200336 CHINA TEL: 021-62367560 FAX: 021-62367485 USCI: USCI+913101158072639230 COUNTRY CHINA PIC: XIAOFENG.LOU@NIPPONEXPRESS.COM.CNEXPRESS.COM.CN		12. SHIPPING MARK : MUJI STAINLESS STEEL QTY MADE IN VIETNAM CIN NO	
4. Port of Loading HOCHIMINH, VIETNAM	5. Final Destination SHANGHAI		
6. Vessel & Voyage SITC KANTO 2405N	7. Sailing Date 06-Feb-24		

13. Description of Goods			14. Quantity	15. U/Price	16. Amount
STAINLESS STEEL FLATWARE					
PATTERN ORDER NO 18002					
4550344521700	RK-JM 10078C	STAINLESS STEEL COFFEE SPOON	4,320 PCS	\$0.39	US\$1,684.80
4550344521724	RK-3 12020C	STAINLESS STEEL SPOON/S	16,560 PCS	\$0.41	US\$6,789.80
4550344521731	RK-3 12017C	STAINLESS STEEL SPOON/L	6,720 PCS	\$0.59	US\$3,964.80
4550344521748	RK-JM 10088C	STAINLESS STEEL TEA SPOON	11,520 PCS	\$0.46	US\$5,299.20
4550344521755	RK-JM 10079C	STAINLESS STEEL TEA FORK	4,320 PCS	\$0.46	US\$1,987.20
4550344521762	RK-JM 10062C	STAINLESS STEEL TABLE SPOON	18,840 PCS	\$0.94	US\$17,709.80
4550344521786	RK-JM 10063C	STAINLESS STEEL TABLE FORK	3,600 PCS	\$0.94	US\$3,384.00
4550344521793	RK-JM 10065C	STAINLESS STEEL DESSERT SPOON	20,520 PCS	\$0.74	US\$15,184.80
4550344521816	RK-JM 10066C	STAINLESS STEEL DESSERT FORK	7,200 PCS	\$0.74	US\$5,328.00
4550344521830	RK-JM 10071C	STAINLESS STEEL BUTTER SPREADER	4,440 PCS	\$0.81	US\$3,596.40
4550344521847	RK-3 12021C	STAINLESS STEEL FORK/S	16,920 PCS	\$0.41	US\$6,937.20
4550344521854	RK-3 12018C	STAINLESS STEEL FORK/L	6,000 PCS	\$0.59	US\$3,540.00
4550344521861	RK-JM 10070C	STAINLESS STEEL LONG SPOON	6,720 PCS	\$0.61	US\$4,099.20
4550583868211	RK-3 12023C	STAINLESS STEEL STIR STICK	5,880 PCS	\$0.52	US\$3,057.60
TOTAL			133,560 PCS		US\$82,562.40

16TH ROAD DIST 7, HOCHIMINH CITY, VIETNAM TEL : (84 28)770 - 0185/88
 FAX : (028) 3770 0192 MAIL : business@hongikvina.com

17. Signed by



Hình 2.2. Commerical Invoice

Nội dung Packing List:


+ Loại hàng hóa: Đồ dùng thép không gỉ

+ Số thùng carton: 762 CTNS

+ Trọng lượng: Net weight: 4,750 KGS, Gross weight: 5,512 KGS

+ Số khối: 11,018 CBM

1. Shipper / Exporter		8. No. & Date of Invoice			
HONG IR VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE 18TH ROAD DIST 7 HOCHIMINH CITY, VIETNAM		SHGSO2403031010 15-Jan-24			
2. Consignee		9. No. & Date of L/C			
[REDACTED]		T/T			
		10. Shipping Mark :			
3. Notify Party		MUJ STAINLESS STEEL QTY. MADE IN VIETNAM CTN NO.			
NIPPON EXPRESS (SHANGHAI) CO., LTD. G12, 1/F, SHANGHAI MARI NO 2289 WEST YAN AN ROAD SHANGHAI 200335 CHINA TEL: 021-62307569 FAX: 021-62307488 USCI: USCI143130115607263920 COUNTRY: CHINA PIC: XIAOFENG LOU@NIPPONEXPRESS.COM CNEXPRESS.COM CN					
4. Port of Loading		5. Final Destination			
HOCHIMINH VIETNAM		SHANGHAI			
6. Vessel & Voyage		7. Sailing Date			
MTC KANTO 2435N		06-Feb-24			
11. Description of Goods					
STAINLESS STEEL FLATWARE					
ORDER NO. 1802					
PATTERN		12. Quantity	CTN No	NETW. Gross wt	15. Meas.
4550344521700	RK-JM 10076C	STAINLESS STEEL COFFEE SPOON	4.320 PCS 12CTNS 1-12	69KGS 81KGS	0.142CBM
4550344521724	RK-J 12020C	STAINLESS STEEL SPOON'S	16.560 PCS 46CTNS 13-58	381KGS 427KGS	1.023CBM
4550344521731	RK-J 12017C	STAINLESS STEEL SPOON/L	6.720 PCS 28CTNS 59-86	289KGS 317KGS	0.626CBM
4550344521748	RK-JM 10068C	STAINLESS STEEL TEA SPOON	11.520 PCS 32CTNS 87-118	311KGS 343KGS	0.532CBM
4550344521755	RK-JM 10076C	STAINLESS STEEL TEA FORK	4.320 PCS 12CTNS 119-130	108KGS 118KGS	0.142CBM
4550344521762	RK-JM 10080C	STAINLESS STEEL TABLE SPOON	18.840 PCS 15/CTNS 131-287	1,149KGS 1,306KGS	2.293CBM
4550344521788	RK-JM 10063C	STAINLESS STEEL TABLE FORK	3.800 PCS 30CTNS 288-317	180KGS 210KGS	0.334CBM
4550344521795	RK-JM 10085C	STAINLESS STEEL DESSERT SPOON	20.520 PCS 171CTNS 318-488	882KGS 1,053KGS	2.399CBM
4550344521916	RK-JM 10066C	STAINLESS STEEL DESSERT FORK	7.200 PCS 60CTNS 489-548	259KGS 319KGS	0.659CBM
4550344521930	RK-JM 10071C	STAINLESS STEEL BUTTER SPREADER	4.440 PCS 37CTNS 549-595	199KGS 232KGS	0.412CBM
4550344521947	RK-J 12021C	STAINLESS STEEL FORKS	16.920 PCS 47CTNS 596-632	321KGS 368KGS	1.045CBM
4550344521954	RK-J 12018C	STAINLESS STEEL FORK/L	6.000 PCS 25CTNS 633-657	229KGS 253KGS	0.561CBM
4550344521961	RK-JM 12078C	STAINLESS STEEL LONG SPOON	6.720 PCS 56CTNS 658-713	283KGS 336KGS	0.541CBM
4550344521971	RK-J 12023C	STAINLESS STEEL STIR STICK	5.880 PCS 48CTNS 714-762	109KGS 149KGS	0.387CBM
TOTAL			131,880 PCS 762 CTNS	4,750KGS 5,512KGS	11.018CBM



17. Sign/By

16. MAIL ADDRESS: TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE
18TH ROAD DIST 7, HOCHIMINH CITY, VIETNAM TEL: (84 28 772) - 018569
FAX: (08) 3770192 MAIL: business@hongirvina.com

Hình 2.3. Packing List

Bước 3: Đặt chỗ với hãng vận tải

- Căn cứ vào điều khoản Incoterm áp dụng trên hợp đồng là FOB, sau khi công ty TNHH Hong Ik Vina thông báo về thời gian chuẩn bị hàng xong, công ty tiến hành liên lạc với Fowarder mà phía khách hàng đã chỉ định và lấy Booking.

- Nội dung Booking Note đã quy định chi tiết về tên tàu, ngày tàu chạy, số lượng container, cảng xếp, cảng dỡ, thời gian cắt máng,... Công ty sẽ căn cứ vào đây để thực hiện theo đúng quy trình.

+ Số booking: SITSGSHG350277

+ Tên tàu: SITC KANTO/2405N

+ Ngày tàu chạy: 08/03/2024

+ Số lượng container: 1X20DC

+ Cảng L/D (cảng xếp): cảng Cát Lái

+ Cảng chuyển tải D/C: cảng Shanghai

+ Cảng đích: cảng Shanghai

+ Loại hàng: FCL

+ Nơi cấp container: cảng Cát Lái

+ Nơi hạ bãi: cảng Cát Lái

Các mốc thời gian cần lưu ý:

+ SI & VGM CUT: trước 4:00 PM ngày 02/02/2024 => S/I được gửi trước thời hạn này để đảm bảo giao hàng đúng hạn

+ Delivery (thời gian giao hàng): ngày 18/01/2024


+ Closing time (thời gian cắt máng): trước 3:00 PM ngày 05/02/2024 => Hàng hóa được đưa lên tàu trước thời gian này để đảm bảo giao hàng đúng hạn

CY CUT: 05/02/2024

ETD (thời gian khởi hành dự kiến): 06/02/2024

ETA (thời gian tàu dự kiến đến cảng đích): 13/02/2024

⑤ BOOKING INFORMATION

Shipper HONG IK VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE 18TH ROAD DIST 7 HOCHIMINH CITY, VIETNAM		Booking Information 	
Consignee [Redacted]		NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO.,LTD. PIC: MR NHAN TEL: 0901 390 290	
Notify Party NIPPON EXPRESS (SHANGHAI) CO.,LTD. C12,11F, SHANGHAI MART,NO.2299 WEST YAN AN ROAD, SHANGHAI 200336 CHINA		Receiving place CAT LAI TMNL	
Pre-carriage		Place of Receipt HO CHI MINH CITY CY	
Vessel Voyage SITC KANTO / 2405N		Port of loading CAT LAI	
Port of discharge SHANGHAI		Place of delivery SHANGHAI	
Marks & number 1X20DC		Number and kind of packages (containers) Description of goods	
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; color: red; text-align: center;"> VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI, CHÈN, LỘT HÀNG HÓA BẰNG GỖ PHẢI ĐƯỢC HƯN TRỪNG TRƯỚC KHI XUẤT </div>		<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> If you don't send S/I by this date, we cannot ship it on schedule. </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> If you don't deliver your cargo by this date, we cannot ship it on schedule. </div>	
MODE <input checked="" type="checkbox"/> FCL <input type="checkbox"/> LCL <input type="checkbox"/> Buyer's consolidation		Other invoice NO. _____	
INVOICE NO.		SHGSG240303H010	
Booking NO.		SITSGSHG350277	
Total No of Combine 1		Num of INV with your INV _____	
Gross weight KGS _____		CBM 11.018	
VGM CUT		2-Feb-24 4:00 PM	
DELIVERY		18-Jan-24	
CLOSING		5-Feb-24 03:00 PM	
CFS CUT		_____	
CY CUT		5-Feb-24	
EID		6-Feb-24	
ETA		13-Feb-24	

Hình 2.4. Booking Information

Bước 4: Kéo container rỗng về kho đóng hàng

- Công ty dùng Booking từ FWD để lấy vỏ container rỗng tại TAN VAN SMART DEPOT 1 container khô 20 feet. Yêu cầu đặc biệt về container: cont sạch, tốt, đẹp, loại A
- Kéo vỏ container từ bãi cấp rỗng về kho của công ty để đóng hàng
- Đóng hàng và niêm phong kẹp chì (seal) bên ngoài container.
- Công ty thực hiện khai Eport trên website: <https://eport.sagonnewport.com.vn> để điền thông tin dựa trên Booking note, đóng phí hạ container để lấy phiếu EIR, thực hiện hạ container xuống tại cảng Cát Lái



New SITC Container Lines Vietnam Co. Ltd

Add: 21st Floor, 29A NGUYEN DINH CHIEU STREET, DAKAO WARD, DIST.1, HO CHI MINH CITY,
Tel: 84-8-54047415 Fax: 84-8-54047420 Website: www.sitc.com



LỆNH GIAO CONTAINER RỖNG

B/L No: SITSGSHG350277

Có giá trị đến ngày: 09/02/2024

NƠI CẤP RỖNG: TAN VAN SMART DEPOT

Kinh gửi (Shipper):	NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD.		
Số lượng, loại container (Total Volume):	1 X 20GP	Cảng đích (DLY):	SHANGHAI
Mặt hàng (Commodity):	GARMENT	Cảng chuyển tải (POD):	SHANGHAI
Nhiệt độ cài đặt (Setting temp):		Thông gió (Vent):	
		Đóng hàng tại bãi (Drop-off CY):	
Dự kiến xếp lên tàu (Vessel):	SITC KANTO	tại kho riêng (Drop-off WH):	√
Chuyến (Voy):	2405N	Nơi hạ bãi (Drop-off Place):	CAT LAI
Ngày tàu chạy (ETD):	06/02/2024	Cổng (Gate):	LÊ PHỤNG HIẾU
SI & VGM cut off time	04/02/2024 11:00		

Yêu cầu hạ container về bãi, hoàn tất thủ tục Hải quan và vào số tàu tại điều độ cảng trước thời hạn "closing time" quy định.
Closing time: 05/02/2024 15:00

Yêu cầu đặc biệt (special remark): CAP CONT SACH, TOT, DEP, LOAI A

ĐỀ NGHỊ QUÝ KHÁCH ĐỌC KỸ TRÌNH TỰ LẤY CONTAINER NHƯ SAU:

- Vui lòng kiểm tra lại nội dung booking đã ghi như trên, nếu không các thông tin trên sẽ được xem là chính xác.
 - Trong lượng hàng do khách hàng khai báo để làm chứng từ phải đúng với trọng lượng thực xuất để tránh tiền phạt khách hàng do có sự chênh lệch trọng lượng giữa thực tế và khai báo.
 - Quý khách vui lòng mang theo booking có dấu tròn của Shipper đúng tên trên booking và giấy giới thiệu của đơn vị vận tải xuống bãi/cảng chỉ định để lấy rỗng.
 - Đơn vị nhận được booking này chịu trách nhiệm về số lượng và tình trạng container kể từ khi nhận. Nếu phát sinh hư hỏng, sai, thất lạc, mất container thì Quý khách hàng phải bồi thường theo quy định của SITC.
 - Nếu có vấn đề khi lấy rỗng, vui lòng liên hệ: Mr Duy (0985 641 204), Ms Mai (0394 222 022), Mr.Thuan (Andy) 0911 391 391
Mọi vấn đề phát sinh khác, vui lòng liên hệ: Mr.Thuan (Andy) 0911 391 391.
- Lưu ý: Đối với container lạnh, Hãng tàu chỉ miễn phí cắm điện 36 giờ trước thời điểm thực tế tàu cập cảng. Nếu khách hàng hạ sớm thì khách hàng phải đóng phí chạy hàng lạnh: USD 1.5/20'RF & USD 2/40'HR cho 1 giờ chạy điện.
- Đối với tất cả các container lạnh, vui lòng lưu giữ lại hình ảnh container lúc giao nhận container rỗng.

Vui lòng gửi chi tiết làm bill cho bộ phận chứng từ
(Tel: 540470415 & Fax: 540472420)



2. hem@sitc.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024
New SITC Container Lines Vietnam Co. Ltd

NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM COMPANY LIMITED
c/o SITC CONTAINER LINES CO., LTD.

Authorized Signature

Công ty Vận tải Đầu kéo

(Xác nhận và đóng dấu)

Chúng tôi xác nhận đã lấy Container theo booking này, hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu xảy ra mất Container và gây hư hỏng.

Hình 2.5. Lệnh giao container rỗng

CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN - CẢNG CÁT LÀI
PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Hạ bãi chờ xuất(CTL)

Số Seal: [] Niêm chỉ HQ: [] Trọng lượng: [] Vị trí: []
 Seal No.: [] Customs Seal: [] Weight: [] Location: []

Số ĐK (No): R36506308
 Ngày (Date): 01/02/2024 14:26
 Gate No: A03
 BAT No: 09051

Nhân của Khách hàng (Receive from): Công ty TNHH HONG IK VINA

Bill / Booking / Ref: SITSGSHG350277 Cảng đích (Dest): SHANGHAI
 Tàu / Chuyến: (Vessel / Voyage) SITC KANTO / 2405N Cảng chuyển tải (Transit): SHANGHAI

Container No	Kích cỡ (Sz/Tp)	Chủ KT (Operator)	Seal No	Status	Weight (Tons)	IMDG	UNNO	OH OW/OL	TEMP
TRHU2912439	2200	SIT	SITD625507	FULL	7,69				

Màu trước (Front (F))
 Vách trái (Left Side (L))
 Dưới (Under (U))
 Bên trong (Interior (I))
 Mũi sau (Back (B))
 Vách phải (Right Side (R))
 Nóc (Top (T))

Số DK Export: J8EG2K
 N07-43045
 N07-43045
 N07

Ghi chú (Remark):
 HONG IK, HONG IK; Chỉ định: T22 - Hàng xuất của TerB; T/g xe vào cảng: 01/02/2024 14:25:38

Vị trí hạ container: - BLOCK : 43
 - VỊ TRÍ Ô:
 Và liên lạc với phương tiện xếp dỡ bằng BAT

Không cần
 Số xe VC: 51D09051 Số móc: 51R15848

Người phát hành (Issuer): Nguyễn Thị Hoa

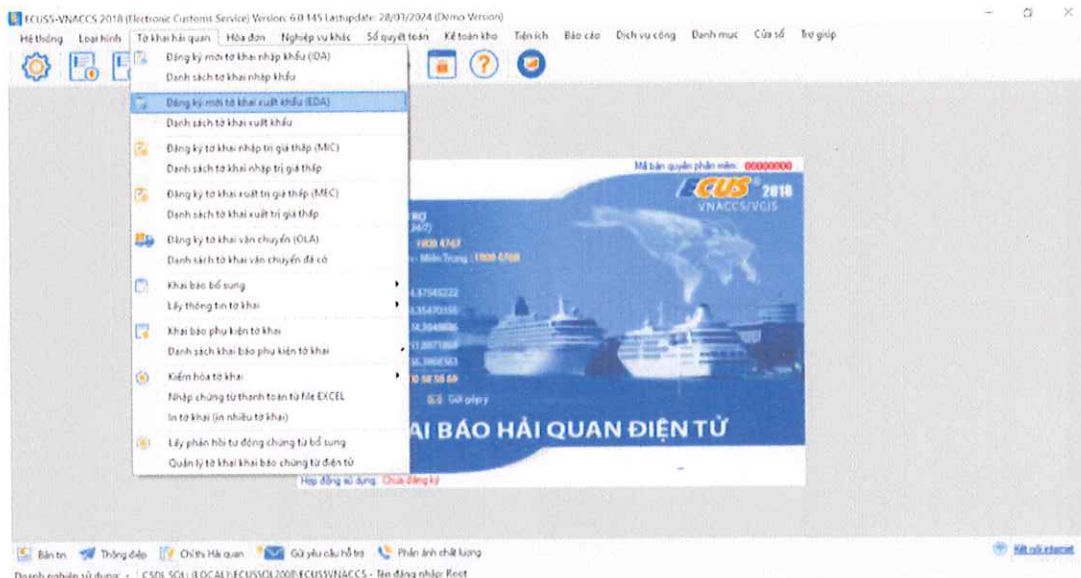
"ĐẾN VỚI TÂN CẢNG – ĐẾN VỚI CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU"

LONG AN | PL

Hình 2.6. Phiếu giao nhận container (EIR)

Bước 5: Khai báo hải quan

- Thực hiện khai báo Hải quan trên phần mềm hải quan điện tử ECUS5 - VNACCS



Hình 2.7. Trang chủ phần mềm hải quan điện tử ECUS5 - VNACCS

➤ **Quy trình khai báo hải quan điện tử gồm các bước sau:**

- Vào Hệ thống » Chọn Doanh nghiệp xuất nhập khẩu » Điền thông tin tài khoản» “Chọn”
- Hệ thống » Thông số khai báo VNACCS » Nhập thông tin » Ghi » kiểm tra kết nối.
- Vào menu “Tờ khai hải quan” > Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA).
- Nhập thông tin tại Tab thông tin chung
- Nhập thông tin tại Tab “Thông tin chung 2”
- Nhập thông tin tại Tab “Danh sách hàng”
- Chọn mã nghiệp vụ “Khai chính thức tờ khai IDC” để đăng ký chính thức tờ khai này với cơ quan hải quan
- Tiếp tục nhấn vào “ Lấy kết quả phân luồng, thông quan” để nhận được kết quả phân luồng, lệ phí hải quan, thông báo tiền thuế, in tờ khai và tiến hành các bước tiếp theo.

Tờ khai xuất khẩu - Export declaration

Trạng thái: **Đã thông quan**

Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (EGB)
2. Khai trước thông tin tờ khai (EDA)
3. Khai chính thức tờ khai (EDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
- 5.1 Lấy thông tin tờ khai sửa (EDD)
- 5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (EDA(S))
- 5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (EDE)
- 5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (EX)

Hướng dẫn nhập liệu | **Thông điệp nghiệp vụ**

Thuế nhập khẩu: Do Hải quan trả về khai thực hiện khai tờ khai lên

Hình 2.8. Kết quả thông quan luồng xanh của lô hàng

- Sau đó nhân viên chứng từ lên trang web hải quan Việt Nam (customs.gov.vn) để lấy mã vạch danh sách container đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan và xuống văn phòng đội giám sát để nộp hồ sơ để thanh lý.

Cán bộ hải quan sẽ tiến hành kiểm tra, xong họ sẽ đóng dấu mộc lên mã vạch và trả lại cho mình tờ khai gốc cùng mã vạch đã được đóng dấu hải quan.

- Vô số tàu theo thời gian quy định trước thời gian cutoff là trước 3:00 PM ngày 05/02/2024.

Bước 6: Lập SI/VGM gửi hãng vận tải

- Nhân viên chứng từ bên Forwarder sẽ làm làm SI (Shipping Instruction) để phát hành B/L dựa trên số liệu thực tế xuất khẩu (số lượng hàng hóa, số cont/seal,...). SI sẽ được trình bày trên Excel.

- Gửi VGM và SI trước thời gian cut off 3:00 PM ngày 05/02/2024 trên Booking để kịp phát hành vận đơn.



Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd


Ocean Department

Rm 5.2 & 5.3, E-Town Bldg, 304 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist. Hochiminh City, Vietnam
Tel: 84-8-38122922 Fax: 84-8-38122923

Date: 1-Feb-2024
TO: OCEAN EXPORT DOCUMENT

BM-06-1-1

SHIPPING INSTRUCTION

Shipper: HONG IK VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE 18TH ROAD DIST 7 HOCHIMINH CITY, VIETNAM tel: 028 37700185 fax: 028 37700192		INV. No.: SHGSG240303H010	
Consignee: 		B/L No.: T.B.A	
Notify Party: NIPPON EXPRESS (SHANGHAI) CO., LTD. C12, 11F, SHANGHAI MART, NO 2299 WEST YAN AN ROAD SHANGHAI 200338 CHINA TEL: 021-82367580 FAX: 021-82367488 USCI: USCI+913101156072639230 COUNTRY: CHINA PIC: XIAOFENG LOU@NIPPONEXPRESS.COM CNEXPRESS.COM.CN			
Vessel: SITC KANTO	Voy.: 2465N	Place of Receipt: hochiminh city, vn	Term: FDB HO CHI MINH
Port of Discharge: SHANGHAI		Place of Delivery: SHANGHAI	Final Destination: SHANGHAI
SHIPPING MARKS:		No of Package: 762	Description of goods: HS CODE: 821599
MUJI STAINLESS STEEL QTY. MADE IN VIETNAM CTN NO.		CTNS:	STAINLESS STEEL FLATWARE CONT/SEAL TRHU2512439/SIT062650Z INVOICE NO: SHGSG240303H010
Container / seal: T.B.A			G. Weight [kgs]: 5 512,00 NET Weight [kgs]: 4 750,00 Measurement [cbm]: 11,018
ETD HCMC: 06-Thg2-24			

[Illustrative List of Unacceptable Description of Goods]

Apparel	Electric	Polyurethane
Wearing Apparel	Equipment	Rubber Articles
Ladies Apparel	Flooding	Red:
Men's Apparel	Foodstuffs	Scrap
Appliance	Iron	STC (Ship to Coast)
Auto Parts	Steel	General Cargo
Parts	Leather Articles	FAK (Freight of All Kinds)
Caps	Machinery	No Description
Chemicals: hazardous	Machinery	Title
Chemicals: non-hazardous	Pipes	Tools
Electric Goods	Plastic Goods	Wires

(The list is not exhaustive. Unacceptable description of goods will be continuously added in the list.)

Hình 2.9. Shipping Instructions

➤ **Quy trình xác nhận VGM với hàng FCL:**

- Công ty (chủ hàng) tiến hành đăng ký cân.
- Công ty giám sát việc cân VGM. Nếu VGM vượt trọng lượng cho phép thì cần phải dỡ bỏ hàng bớt xuống.
- Kho hàng cấp 1 bản VGM cho công ty giữ và 1 bản lưu giữ tại kho.



Biên bản
(Ban hành kèm theo Văn bản số 2428/CHHVN-VTDVHH
Ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Cục Hàng hải Việt Nam)

XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG TOÀN BỘ CÔNG-TE-NƠ VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ
VERIFIED GROSS MASS OF CONTAINER ON INTERNATIONAL TRANSPORT (VGM)

TP. HCM, ngày 1 tháng 2 năm 2024

1. Tên người gửi hàng, địa chỉ, số điện thoại / Name of shipper, address, phone number: HONG IK VINA
Address: KCC, Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

2. Thông số công-te-nơ/Container's particular:

STT Seq	Số Công-te-nơ Container No.	Kích cỡ công-te-nơ Size of container (20' 40' other)	Khối lượng sử dụng lớn nhất Max gross weight (kg)	Xác nhận khối lượng toàn bộ của công-te-nơ Verified gross mass of a packed container (kg)	Tên đơn vị, địa chỉ cân Name of weighing scale, Address
1	<u>WAW230439</u>	<u>20'</u>	<u>30.400</u>	<u>36.92</u>	<u>HONG IK VINA</u>
2					
3					
...					

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm việc xác nhận khối lượng toàn bộ công-te-nơ nói trên là đúng sự thật.
We are committed to and responsible for the VGM of the container above is true.

ĐƠN VỊ CÂN
WEIGHING SCALE
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signed, full name)



YOO MYUNG SANG

NGƯỜI GỬI HÀNG
SHIPPER
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signed, full name, stamp)



YOO MYUNG SANG

Hình 2.10. Verified Gross Mass

Trường hợp này thì Forwarder sẽ phát hành House Bill, loại Giấy gửi hàng đường biển (Seaway bill) có chữ ký của Nippon Express. Trên Sea Way bill thể hiện Consignee là người thực tế nhận hàng (Consignee đích danh), Shipper là chủ hàng: Công ty TNHH Hong Ik Vina. Nhân viên chứng từ sau khi nhận từ Forwarder sẽ kiểm tra lại các thông tin trên Sea Waybill để tránh sai sót và sửa chữa kịp thời. So sánh các thông tin giữa

Packing List, Booking note, S/I với Waybill nhằm tránh sai sót và đảm bảo tính đồng nhất giữa các thông tin. Việc sử dụng Sea Waybill áp dụng trong trường hợp cả 2 bên đã làm ăn thân thiết, tin cậy nhau, vì vậy chỉ cần phát hành 1 bản gốc Giấy gửi hàng đường biển - Seaway bill cho bên nhận hàng. (thay vì phải phát hành tối thiểu 1 bộ 3 bản gốc nếu sử dụng Vận đơn đường biển - Ocean B/L).

Công ty gửi Sea way bill qua fax or email cho phía khách hàng giúp tiết kiệm được thời gian so với gửi Vận đơn đường biển B/L

Nội dung trên Sea Waybill:

1. Shipper (Người gửi hàng): Hong Ik Vina Co., Ltd
2. Consignee (Người nhận): khách hàng ***
3. Notify party (Bên thông báo): Nippon Express (Shanghai) Co., Ltd
4. Ocean Vessel/ Voy. No (Loại tàu và số tàu): SITC KANTO 2405N
5. Place of receipt (Nơi nhận hàng): Là nơi hàng hóa được giao cho Forwarder:
CY thành phố Hồ Chí Minh
6. Port of lading (Cảng xếp hàng): thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Port of discharge (Cảng dỡ hàng): Cảng Thượng Hải, Trung Quốc
8. Place of delivery (Địa điểm giao hàng): CY Thượng Hải, Trung Quốc
9. Waybill No: SGNCHE91314

ATTACHED SHEET (DESCRIPTION)
FOR B/L NO. SGNCHE91314

REF: CHE9131

DESCRIPTION

ONE (01) X20' DC, STC.:
STAINLESS STEEL FLATWARE
INVOICE NO.:
SHGSG240303H010

(*) FAX86-21-6375-6189
ENTERPRISE'S CODE: USCI+913100007747635381
COUNTRY CODE: CN
PIC: XUDANYAN- EMAIL: XUDANYAN@MUJI.COM.CN

(**) COUNTRY: CHINA
PIC: LOU XIAOFENG
EMAIL: XIAOFENG.LOU@NIPPONEXPRESS.COM.CNEXPRESS.COM.CN



Hình 2.11. Sea way bill

Bước 7: Làm chứng từ hàng xuất theo yêu cầu khách hàng

- Công ty làm giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) theo form E để xác nhận xuất xứ của hàng hóa, giúp nhà nhập khẩu được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định.

Nội dung CO:

- Số CO: VN-CN 24/02/011575
- Dòng "FORM E", Tên nước phát hành: VIET NAM
 1. Thông tin nhà xuất khẩu: Hong Ik Vina
 2. Thông tin nhà nhập khẩu: khách hàng ***
 3. Tên phương tiện vận tải và tuyến đường:
 - + Tuyến đường và phương thức vận chuyển: đường biển
 - + Ngày khởi hành: 06/02/2024
 - + Tên tàu + số chuyến: SITC KANTO 2405N

+ Tên cảng dỡ hàng: Shanghai (China)

7. Số lượng, chủng loại bao gói, mô tả hàng hóa (gồm cả lượng hàng và mã HS nước nhập khẩu).

8. Tiêu chí xuất xứ.

9. Trọng lượng toàn bộ (hoặc lượng khác) và giá trị FOB.

10. Số và ngày Invoice.

11. Tên nước xuất khẩu, nhập khẩu, địa điểm và ngày xin CO

12. Xác nhận Chữ ký của người được ủy quyền, dấu của tổ chức cấp CO, địa điểm và ngày cấp.

13. Third Party Invoicing : Trường hợp hóa đơn phát hành tại Bên thứ ba

Các bước xin cấp CO form E (trường hợp làm online – hoặc có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại VCCI (phòng quản lý xuất nhập khẩu của Bộ công thương)).

- Truy cập hệ thống ecosys.gov.vn , khai báo hồ sơ



- Tải lên file đính kèm theo yêu cầu : tờ khai hải quan, vận đơn, hóa đơn thương mại,...

- Ký điện tử & Gửi hồ sơ online



- Sau khi hồ sơ được duyệt, kết xuất & in đơn xin C/O đã cấp số và nộp cùng bộ hồ sơ

- Duyệt hồ sơ giấy & cấp CO gốc (Original) bằng giấy



ORIGINAL

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) HONG IK VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE, 18TH ROAD, DISTRICT 7, HOCHIMINH CITY VIET NAM		Reference No. VN-CN 24/02/011575 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>VIET NAM</u> (Country) See Overleaf Notes			
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) 		4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party			
3. Means of transport and route (as far as known) BY SEA Departure date 06/02/2024 Vessel's name/Aircraft etc. SITC KANTO 2405N Port of Discharge SHANGHAI (CHINA)					
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of invoices
1	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521700 STAINLESS STEEL COFFEE SPOON HS CODE: 82159900 12 CARTON	CTH	81.00 KILOGRAM 4,320.00 PIECE	SHSGG240303H010 DATE: 15/01/2024
2	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521724 STAINLESS STEEL SPOON/S HS CODE: 82159900 46 CARTON	CTH	427.00 KILOGRAM 16,560.00 PIECE	SHSGG240303H010 DATE: 15/01/2024
3	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521731 STAINLESS STEEL SPOON/L HS CODE: 82159900 28 CARTON	CTH	317.00 KILOGRAM 6,720.00 PIECE	SHSGG240303H010 DATE: 15/01/2024
4	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521748 STAINLESS STEEL TEA SPOON HS CODE: 82159900 32 CARTON	CTH	343.00 KILOGRAM 11,520.00 PIECE	SHSGG240303H010 DATE: 15/01/2024
5	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521755 STAINLESS STEEL TEA FORK HS CODE: 82159900 12 CARTON	CTH	116.00 KILOGRAM 4,320.00 PIECE	SHSGG240303H010 DATE: 15/01/2024
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in VIET NAM (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to CHINA (Importing Country) HO CHI MINH, 07/02/2024 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  NGUYỄN THỊ TRỌNG NGHĨA HO CHI MINH, 07/02/2024 Place and date, signature and stamp of certifying authority 		
13. <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Movement Certificate <input checked="" type="checkbox"/> Third Party Invoicing					

ORIGINAL

<p>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) HONG IK VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE, 18TH ROAD, DISTRICT 7, HOCHIMINH CITY VIET NAM</p>		<p>Reference No. VN-CN 24/02/011575</p> <p align="center">ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</p> <p align="center">FORM E</p> <p align="center">Issued in <u>VIET NAM</u> (Country)</p> <p align="center">See Overleaf Notes</p>			
<p>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</p>		<p>4. For Official Use</p> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given</p> <hr/> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</p> <hr/> <p align="right">Signature of Authorised Signatory of the Importing Party</p>			
<p>3. Means of transport and route (as far as known)</p> <p>BY SEA Departure date 06/02/2024</p> <p>Vessel's name/Aircraft etc. SITC KANTO 2405H</p> <p>Port of Discharge SHANGHAI (CHINA)</p>		<p>5. Item number</p> <p>6. Marks and numbers on packages</p> <p>7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</p> <p>8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</p> <p>9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</p> <p>10. Number, date of Invoices</p>			
6	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521762 STAINLESS STEEL TABLE SPOON HS CODE: 82159900 157 CARTON	CTH	1,306.00 KILOGRAM 18,840.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
7	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521786 STAINLESS STEEL TABLE FORK HS CODE: 82159900 30 CARTON	CTH	210.00 KILOGRAM 3,600.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
8	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521793 STAINLESS STEEL DESSERT SPOON HS CODE: 82159900 171 CARTON	CTH	1,053.00 KILOGRAM 20,520.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
9	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521816 STAINLESS STEEL DESSERT FORK HS CODE: 82159900 60 CARTON	CTH	319.00 KILOGRAM 7,200.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
10	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521830 STAINLESS STEEL BUTTER SPREADER HS CODE: 82159900 37 CARTON	CTH	232.00 KILOGRAM 4,440.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
<p>11. Declaration by the exporter</p> <p>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in</p> <p align="center">VIET NAM</p> <p align="center">(Country)</p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to</p> <p align="center">CHINA</p> <p align="center">(Importing Country)</p> <p align="center">HO CHI MINH, 07/02/2024</p> <p align="center">Place and date, signature of authorised signatory</p>			<p>12. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">   </div> <p align="center">NGUYỄN THỊ TRỌNG NGHĨA</p> <p align="center">HO CHI MINH, 07/02/2024</p> <p align="center">Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>		
<p>13.</p> <p><input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition</p> <p><input type="checkbox"/> Movement Certificate <input checked="" type="checkbox"/> Third Party Invoicing</p>					

ORIGINAL

<p>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) HONG IK VINA CO., LTD TAN THUAN EXPORT PROCESSING ZONE, 18TH ROAD, DISTRICT 7, HOCHIMINH CITY VIET NAM</p>		<p>Reference No. VN-CN 24/02/011575</p> <p align="center">ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</p> <p align="center">FORM E</p> <p align="center">Issued in <u>VIET NAM</u> (Country)</p> <p align="center">See Overleaf Notes</p>			
<p>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</p>		<p>4. For Official Use</p> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given</p> <hr/> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</p> <hr/> <p align="right">Signature of Authorised Signatory of the Importing Party</p>			
<p>3. Means of transport and route (as far as known)</p> <p>BY SEA Departure date 06/02/2024</p> <p>Vessel's name/Aircraft etc. SITC KANTO 2405N</p> <p>Port of Discharge SHANGHAI (CHINA)</p>		<p>5. Item number</p> <p>6. Marks and numbers on packages</p> <p>7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</p> <p>8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</p> <p>9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</p> <p>10. Number, date of Invoices</p>			
11	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521847 STAINLESS STEEL FORK/S HS CODE: 82159900 47 CARTON	CTH	368.00 KILOGRAM 16,920.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
12	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521854 STAINLESS STEEL FORK/L HS CODE: 82159900 25 CARTON	CTH	253.00 KILOGRAM 6,000.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
13	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550344521861 STAINLESS STEEL LONG SPOON HS CODE: 82159900 56 CARTON	CTH	338.00 KILOGRAM 6,720.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
14	MUJI STAINLESS STEEL QTY: MADE IN VIETNAM CTN NO.	4550583866211 STAINLESS STEEL STIR STICK HS CODE: 82159900 49 CARTON TCI: YAXELL CORPORATION, 41, SAKAEMACHI 2-CHOME, SEKI-CITY, GIFU 501-3253, JAPAN., JAPAN	CTH	149.00 KILOGRAM 5,880.00 PIECE	SHGSG240303H010 DATE: 15/01/2024
<p>11. Declaration by the exporter</p> <p>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in</p> <p align="center">VIET NAM</p> <p align="center">(Country)</p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to</p> <p align="center">CHINA</p> <p align="center">(Importing Country)</p> <p align="center">HO CHI MINH, 07/02/2024</p> <p align="center">Place and date, signature of authorised signatory</p>		<p>12. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>NGUYEN THỊ TRỌNG NGHĨA</p> </div> <div style="text-align: center;">  </div> </div> <p align="center">HO CHI MINH, 07/02/2024</p> <p align="center">Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>			
<p>13.</p> <p><input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition</p> <p><input type="checkbox"/> Movement Certificate <input checked="" type="checkbox"/> Third Party Invoicing</p>					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:

2. must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
3. must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).

3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer, in the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the Intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the Indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the Intermediate Party. The Indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Hình 2.12. Certificate of Origin

Bước 8: Gửi chứng từ cho người nhập khẩu

Khi đã có bộ chứng từ, công ty sẽ gửi cho người bán bộ chứng từ gốc gồm:

- + Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list)
- + Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- + Vận đơn (Sea Waybill)
- + Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate Ogrinal)
- Tất toán với ngân hàng:

Hình thức thanh toán là T/T, sau khi công ty gửi bộ chứng từ cho người mua, ngân hàng bên bán sẽ xem xét và theo lệnh người mua chuyển tiền cho ngân hàng người bán (công ty TNHH Hong Ik Vina)

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN ĐƠN HÀNG

DOANH THU: Giá FOB hàng hóa = 82.562,40 USD

CHI PHÍ XUẤT KHẨU THEO FOB:

Đơn vị: đồng

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế GTGT (VAT)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3	4=1x2x110%
1	Phí Trucking nội địa	Cont 20'	1,000	7.500.000	10%	8.250.000
2	Phí xếp dỡ – Thec	Cont 20'	1,000	3.854.850	10%	4.240.335
3	Phụ phí khai hải quan quốc tế – Ens	Lô	1,000	1.119.150	10%	1.231.065
4	Phí niêm chì – Seal fee	Cont	1,000	248.700	10%	273.570
5	Phí chứng từ xuất – Bill fee	Bộ	1,000	1.119.150	10%	1.231.065

6	Phí dịch vụ hàng xuất – Handling fee	Lô	1,000	1.119.150	10%	1.231.065
7	Phí nâng hạ	Cont 20'	1,000	815.000	10%	896.500
8	Phí xin giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – C/O	Bộ	1,000	400.000	10%	440.000
9	Thuế xuất khẩu	Lô	1,000	Giá FOBx%thuế		
	Tổng					

LỢI NHUẬN:

Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí sản xuất hàng hóa – Chi phí xuất khẩu

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện quy trình xuất khẩu của công ty

2.2.1. Đánh giá chung

Nhìn chung quy trình của công ty diễn ra khá đơn giản vì đối tác là khách hàng thân thiết đã hợp tác lâu dài, quá trình tiếp cận và làm việc diễn ra dễ dàng hơn những đối tác làm việc lần đầu. Hình thức thanh toán T/T và điều kiện Incoterm FOB không đòi hỏi công ty thực hiện quy trình phức tạp cũng như hạn chế được trách nhiệm người bán. Tuy nhiên để quá trình diễn ra thuận lợi và tránh được những sai sót, tranh chấp về sau, công ty cũng cần phải lưu ý những vấn đề có thể phát sinh và biện pháp đề phòng:

- Cả hai bên mua bán thực hiện giao dịch qua PO (Purchase Order), đây là đơn đặt hàng do khách hàng (bên mua) gửi cho công ty, tuy nhiên PO có giá trị pháp lý thấp hơn so với PI, SC. Vì vậy công ty cần xem xét đối tượng khách hàng có mối quan hệ thân thiết và uy tín hay không để tiến hành thực hiện giao dịch, tránh các rủi ro liên quan đến trách nhiệm của người mua.
- Theo PO, lô hàng này được thực hiện theo điều kiện **FOB** (Incoterm) có nghĩa là công ty giao hàng trên con tàu do người mua chỉ định tại cảng xếp hàng chỉ định. Rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa được chuyển giao khi hàng hóa được xếp lên tàu, và người mua chịu mọi rủi ro chi phí kể từ thời điểm này trở đi.

➤ **Quyền và nghĩa vụ của người mua và người bán trong hợp đồng FOB :**

+ **Người bán (phía công ty) :**

- Trả các chi phí và thực hiện sản xuất, đóng hàng, vận chuyển hàng hóa đến cảng xuất hàng, dỡ hàng khỏi phương tiện nội địa và bốc hàng lên tàu do người mua chỉ định.
- Chịu trách nhiệm khai báo hải quan làm thông quan cho lô hàng, đóng thuế phí xuất khẩu (nếu có)
- Chịu trách nhiệm trả các phí local charges tại cảng load hàng (THC, Seal, Bill).
- Không cần mua bảo hiểm cho hàng hóa.

⇒ Công ty chịu những trách nhiệm và chi phí phát sinh trước thời điểm hàng đã lên tàu.

+ **Người mua (phía khách hàng):**

- Phải mua bảo hiểm cho hàng hóa
- Chịu trách nhiệm book tàu, làm việc với Forwarder để gửi booking cho người bán thông qua fax hoặc email, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin: cảng đến, tên tàu, ngày tàu chạy,...
- Dỡ hàng từ tàu xuống cảng đến
- Thực hiện thông quan nhập khẩu, VAT (nếu có)
- Đóng những phí local charges phát sinh tại cảng đến như : THC, phí D/O,...
- Vận chuyển hàng từ cảng nhập đến kho người mua bằng phương tiện vận tải nội địa (từ Hà Lan đến Đức)
- Dỡ hàng khỏi phương tiện vận tải nội địa tại kho người mua.

⇒ Khách chịu những trách nhiệm và chi phí phát sinh sau thời điểm hàng đã lên tàu.

➤ **Ưu điểm:**

Công ty sẽ giảm bớt công việc và trách nhiệm liên quan đến việc vận chuyển từ cảng

xuất đến nơi giao hàng, không cần tìm đơn vị vận chuyển và các chi phí bảo hiểm cho hàng hóa, công ty chỉ chịu trách nhiệm (vận chuyển, làm thủ tục, thuế hay những phí phát sinh khác) khi hàng chưa lên tàu.

➤ **Nhược điểm:**

+ Công ty sẽ phụ thuộc vào người thuê tàu (người mua): bị động về thời gian giao nhận hàng do người mua chỉ định, nếu không chuẩn bị và sắp xếp hàng hóa kịp thời thì sẽ dẫn đến rắc rối trong việc thực hiện hợp đồng và chỉnh sửa các chứng từ.

+ Không làm việc trực tiếp với các nhà cung cấp, dịch vụ khác, khó nắm bắt được tình hình thị trường, thụ động hơn về đàm phán giá cả.

+ Rủi ro về thiệt hại hoặc mất mát khi hàng hóa đang được vận chuyển từ nhà máy đến cảng xuất khẩu có thể xảy ra thiệt hại hoặc mất mát thì công ty sẽ phải tự chịu thiệt hại.

- **Điều kiện thanh toán: T/T**, thời hạn: trong vòng 50 ngày kể từ ngày đến hạn của hóa đơn.

▪ **Ưu điểm:**

+ Quy trình nghiệp vụ đơn giản, dễ thực hiện, không cần lập nhiều bộ chứng từ phức tạp như L/C. Tiết kiệm thời gian và chi phí.

+ Người mua chắc chắn nhận được hàng đúng như thỏa thuận mới tiến hành thanh toán tránh rủi ro về hàng hóa như kém chất lượng hoặc giao hàng chậm, đảm bảo được uy tín của công ty với người mua

+ Ngân hàng chỉ là trung gian thực hiện việc thanh toán theo ủy nhiệm và nhận hoa hồng, không chịu bất cứ ràng buộc nào.

▪ **Nhược điểm:**

+ Là phương thức chứa đựng rủi ro cao nhất, đòi hỏi các bên phải có mối quan hệ lâu dài và hoàn toàn tin cậy lẫn nhau hoặc tổng giá trị đơn hàng nhỏ.

+ Không gắn liền việc nhận hàng và thanh toán, công ty không nhận được tiền thanh toán mặc dù hàng đã gửi cho nhà nhập khẩu. Trường hợp nhà nhập khẩu không chịu nhận hàng, người bán sẽ không nhận được tiền, đồng thời phải mất thêm chi phí vận

chuyển, buộc phải bán rẻ lại hoặc tái xuất tốn rất nhiều chi phí và công sức.

➤ **Những lưu ý khi sử dụng phương thức thanh toán T/T đối với nhà xuất khẩu:**

- Công ty phải đảm bảo tài khoản ngân hàng của mình chính xác và được bảo mật, tránh trường hợp khách hàng chuyển nhầm hoặc bị kẻ xấu lợi dụng đánh cắp thông tin tài khoản để chiếm đoạt.
 - Kiểm tra kỹ các thông tin về đơn hàng và chứng từ khi gửi cho người mua để tránh sai sót không đáng có làm chậm thời gian thanh toán.
 - Kiểm tra kỹ các phí và lệ phí không mong muốn có thể phát sinh.
 - Nếu có tranh chấp xảy ra trong quá trình thanh toán, công ty nên giải quyết bằng cách thương lượng hoặc thông qua các cơ quan pháp lý có thẩm quyền.
- Trong quá trình thực hiện đơn hàng, công ty thực hiện sản xuất sản phẩm phải đảm bảo đúng theo yêu cầu khách hàng đưa ra. Trong quá trình chuẩn bị hàng, phía khách hàng sẽ thuê bên thứ 3 (bên trung gian) đến nhà máy để thực hiện kiểm tra sản phẩm, nếu hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện mới có thể xuất hàng. Ngược lại, nếu hàng hóa gặp lỗi hoặc có vấn đề phát sinh, công ty phải làm lại, đây là quá trình phức tạp và tốn nhiều thời gian dẫn đến việc giao hàng không thực hiện đúng theo thời hạn giao hàng (Delivery date) trên PO. Tuy nhiên do có mối quan hệ hợp tác thân thiết, phía khách hàng chấp nhận công ty gửi hàng trễ hơn dự kiến.
- Lưu ý kiểm tra đối chiếu Invoice và Packing list phải khớp với nhau, tránh chỉnh sửa nhiều lần tốn thời gian và chi phí.
- Theo điều kiện FOB, Booking là do khách hàng chỉ định, vì vậy công ty cần theo dõi quá trình sản xuất ở nhà máy và kế hoạch xuất hàng có thực sự đáp ứng được yêu cầu người mua hay không, công ty cần có sự phối hợp với đơn vị vận chuyển, liên hệ sớm để đảm bảo lấy được container rỗng đúng hạn tránh gây trễ thời gian đóng hàng, lưu ý về thời gian Closing time là trước 3:00 PM ngày 05/02/2024 để chắc chắn hàng hóa được lên tàu vận chuyển đúng tiến độ: thời gian hạ bãi, thời gian cung cấp VGM, SI,... Closing time là thời hạn cuối cùng công ty phải hoàn tất các việc thông quan, thanh lý

container để xếp hàng lên tàu vận chuyển, nếu lô hàng thanh lý sau thời gian này thì khả năng cao sẽ bị rớt tàu. Vì vậy cần đặc biệt chú ý đến thời hạn này tránh các rủi ro ngoài ý muốn gây thiệt hại cho mình.

➤ ***Nếu không kịp closing time thì hướng giải quyết như sau:***

+ Liên hệ đến bộ phận OPS ở cảng lưu ý đến hồ sơ của công ty để xin thêm thời gian kịp cut off time.

+ Thực hiện các thủ tục cần thiết gồm:

- Xin mẫu đơn lùi Closing time có chữ ký hoặc đóng dấu của hãng tàu
- Đưa đơn lên bộ phận Terminal của cảng để xin xác nhận
- Bộ phận Terminal sẽ xem xét nếu thuận lợi sẽ note vào trong sổ tàu

Trường hợp không thể kịp thời gian hãng tàu sẽ lùi đơn hàng sang chuyến khác và thông báo về tình trạng này để khách hàng quyết định book hay không book nữa nhằm tránh thiệt hại cho cả 2 bên.

- Khi ra bãi lấy container rỗng mang về công ty cần lấy container đúng chuẩn, kiểm tra tình trạng container có bị hư, dơ, có mùi,... hay không. Chụp ảnh cont trước, trong và sau khi đóng hàng để lưu lại khiếu nại với hãng tàu tránh trường hợp lấy cont lỗi gây ảnh hưởng đến hàng hóa và khiến người nhận hàng phải chịu phí phạt, đây là những chi phí không đáng có, mình có thể phòng tránh được. Việc hàng hóa đóng vào các thùng giấy và các containers phải đáp ứng được tiêu chuẩn tránh làm hàng hóa bị hư hỏng trong khi vận chuyển gây nên nhiều tranh chấp về sau và mất uy tín doanh nghiệp. Nên kẹp trước chì tạm để hạ container về cảng. Đề phòng khi có yêu cầu kiểm tra hàng hóa thì phải xin lại chì mới để khóa seal (sẽ tốn thêm phí mua seal mới).

- Khi khai báo Hải quan trên phần mềm cần lưu ý có một số tiêu chí có thể chỉnh sửa bổ sung nhưng có một số tiêu chí không thể chỉnh sửa bổ sung mà phải khai lại tờ khai mới; dẫn đến việc thông quan lạng hóa bị chậm trễ như.

➤ **Các lỗi sai thường gặp khi khai báo hải quan điện tử:**

- Khai sai mã hiệu phương thức vận chuyển: có thể người khai báo copy từ tờ khai cũ nhưng quên đổi phương thức vận chuyển. Lỗi này không được phép khai bổ sung, buộc phải hủy tờ khai và khai lại.
- Áp sai mã Hs Code cho hàng hóa: mỗi loại hàng hóa sẽ có mã HS khác nhau, nếu người khai báo không phân biệt đúng hoặc nhập sai sẽ ảnh hưởng đến tiền thuế mà doanh nghiệp phải chịu. Để tránh sai sót trong quá trình khai báo mã Hs Code, người khai báo cần kiểm tra thông tin thực tế trong mô tả hàng hóa.
- Khai sai số lượng kiện: mỗi hàng hóa sẽ có cách đóng gói khác nhau. Ví dụ đối với đơn hàng Muỗng xuất khẩu: 1 pallet có 10 thùng carton, mỗi thùng carton có 100 bộ muỗng, mỗi bộ muỗng có 12 cái muỗng các loại được gói trong 1 hộp quà hộp Q – Pack màu trắng/đỏ. => Khi khai báo số lượng kiện thì chúng ta phải khai báo số kiện tổng chứ không khai báo chi tiết bên trong nghĩa là khai: 1 pallet cho lô hàng.

- Trường hợp các thông tin trên bộ chứng từ không khớp nhau: sai lệch về điều kiện giao hàng, tên khách hàng, số lượng, trọng lượng, giá cả, các lỗi chính tả,... người khai hải quan phải kiểm tra kỹ bộ chứng từ xem sai sót đó do đâu để thông báo cho các bên liên quan để có sự điều chỉnh đúng trước khi khai hải quan. Việc khai sai dẫn đến khác biệt số liệu so với kho và kế toán doanh nghiệp dễ bị xử phạt hành chính nếu không thể giải trình.

- Vận đơn gốc (Original Bill): House Bill do Forwarder phát hành, trên Bill phải có chữ ký bằng tay của người phát hành vận đơn đó là NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD và có đóng dấu chữ "Original" lên mặt trước của vận đơn. Vì bill gốc là do Forwarder in ra và cấp cho shipper nên nếu có rủi ro xảy ra công ty đem bill gốc này lên hãng tàu thì hoàn toàn không có tính pháp lý để kiện hãng tàu, vì vậy công ty cần kiểm tra kỹ thông tin trên Bill để đảm bảo quyền lợi của mình.

➤ **Các rủi ro có thể gặp với vận đơn:**

- Vận đơn gốc có thể bị mất mát, bị hư hỏng hoặc bị đánh cắp trong quá trình vận chuyển đến nhà nhập khẩu. Nếu vận đơn gốc mất sẽ gây khó khăn trong việc chứng minh quyền sở hữu và gây rủi ro mất mát hàng hóa cũng như thanh toán cho người gửi và người nhận hàng.

- Nhiều trường hợp hàng tới nhưng vận đơn chưa tới dẫn tới khách hàng không thể nhận hàng, đồng thời phát sinh nhiều chi phí tại cảng nhập.

➤ **Trường hợp thất lạc vận đơn gốc:**

+ Công ty cần liên hệ với bên Forwarder để thông báo về việc mất vận đơn B/L gốc. Forwarder sẽ tiếp nhận thông tin và thông báo với đại lý phía người nhập khẩu và yêu cầu đại lý này thông báo, kiểm tra lại với người nhập khẩu.

+ Sau khi các thông tin được kiểm tra đã chính xác, bên phát hành sẽ yêu cầu bên công ty làm một công văn xác nhận việc mất vận đơn gốc đồng thời cam kết trách nhiệm cũng như miễn trừ trách nhiệm của công ty vận chuyển trong trường hợp tranh chấp vận đơn gốc và hàng hóa. Sau khi nhận được cam kết này, công ty vận chuyển sẽ thu tiền và cấp lại bộ vận đơn gốc.

➤ **Trường hợp hàng đã đến cảng đích và chưa mở tờ khai hải quan nhập khẩu nhưng người nhận hàng từ chối nhận, nếu công ty tìm được người mua hàng mới thì phải sửa vận đơn:**

- Lấy một xác nhận của khách hàng cũ rằng họ từ chối không muốn nhận hàng tiếp.
- Dựa vào văn bản xác nhận đó để yêu cầu bên phát hành Bill sửa Bill với tên người nhận hàng mới.

=> Việc mất, thay đổi vận đơn gốc gây ra nhiều khó khăn cho cả người bán và người mua, vì đây là chứng từ vô cùng quan trọng, việc xử lý mất khá nhiều thời gian, gây phát sinh chi phí lưu cont, lưu bãi và tiềm ẩn tranh chấp hàng hóa. Vì vậy công ty cần

giữ cẩn thận Vận đơn gốc để hạn chế rủi ro.

- Lưu ý thêm về C/O, mỗi quốc gia sẽ yêu cầu mẫu form C/O khác nhau, mẫu C/O FORM E là giấy chứng nhận xuất xứ được Việt Nam và Trung Quốc thỏa thuận sử dụng trong hiệp định thương mại EVFTA. Vì vậy hàng hóa của công ty Hong Ik Vina có xuất xứ Việt Nam, khi xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ phải dùng mẫu form này để khách hàng được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi.

2.2.2. Đánh giá bằng ma trận SWOT

<h1>SWOT</h1>	Opportunities (Cơ hội)	Threats (Thách thức)
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thanh toán T/T và điều kiện Incoterm FOB có quy trình đơn giản, ít trách nhiệm cho công ty - Cơ hội hợp tác lâu dài với các đối tác - Thị trường xuất khẩu tương đối ổn định 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thanh toán T/T đem lại nhiều rủi ro nếu bên đối tác không đủ tin cậy - Thay đổi công nghệ, đòi hỏi thường xuyên cập nhật các nghị định, chính sách pháp luật trong nước và quốc tế - Nguồn nguyên vật liệu sản xuất ảnh hưởng bởi chiến tranh Nga - Ukraina
Strengths (Điểm mạnh)	Các chiến lược S - O	Các chiến lược S - T
<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng sản phẩm sản xuất được đảm bảo, nâng cao uy tín doanh nghiệp - Nhân sự với nhiều kinh nghiệm, áp dụng được công nghệ thông tin vào quy trình làm việc - Đối tác thân thiết với doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong đàm phán, giải quyết rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng nhà máy, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khắc khe của khách hàng để tạo mối quan hệ - Đẩy mạnh khai thác thị trường hiện tại và không ngừng nỗ lực thu hút thêm khách hàng mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nguồn nhân lực, giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác: hãng tàu, forwarder, hải quan,... để nắm bắt thông tin kịp thời - Thường xuyên theo dõi thị trường, tình hình kinh tế để tìm được nguồn nguyên liệu ổn định đáp ứng chất lượng đơn hàng
Weaknesses (Điểm yếu)	Các chiến lược S - W	Các chiến lược W - T
<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn hàng thường hoàn thành chậm hơn so với yêu cầu của khách hàng - PO có giá trị pháp lý thấp hơn so với PI, SC - Chưa tận dụng được điều kiện CIF trong xuất khẩu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư máy móc hiện đại, đẩy nhanh tốc độ sản xuất, chủ động liên hệ với bên kiểm định để sớm hoàn thành đơn hàng - Lựa chọn Incoterm phù hợp theo khách hàng - Nâng cao trình độ nhân sự bộ phận xuất nhập khẩu để đàm phán, lựa chọn CIF xuất khẩu tạo lợi thế cho doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ hóa quy trình, chủ động liên hệ làm việc với các đối tác liên quan để tiết kiệm thời gian, chi phí - Nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại của khách hàng để đánh giá khả năng đơn hàng được hoàn thành đúng kì vọng, từ đó thương lượng, đàm phán hợp lí - Giám sát quy trình thực hiện, đối chiếu các chứng từ và chụp làm bằng chứng các sai sót, chi phí phát sinh để yêu cầu khiếu nại nếu xảy ra các vấn đề ngoài ý muốn

KẾT LUẬN

Trong xu hướng mở cửa và hội nhập nền kinh tế hiện nay, công ty TNHH Hong Ik Vina với hơn 20 năm hoạt động đã đóng góp một phần vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Với đặc trưng là doanh nghiệp sản xuất, các cơ hội và thách thức đặt ra cho công ty là rất lớn, thông qua đánh giá hoạt động xuất khẩu của công ty trong năm vừa qua, có thể thấy rằng hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty là khá tốt, tệp khách hàng ổn định và lâu dài thể hiện được uy tín của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế, công ty tiếp tục xuất khẩu được nhiều hàng hoá và thu được nhiều ngoại tệ cho quốc gia cũng như cho chính doanh nghiệp để đầu tư phát triển. Đây là cơ hội để công ty nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên trong sản xuất và trong xuất khẩu, từ đó tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế và nội địa.

Việc thực hiện Chuyên đề này đã mang lại cho em những hiểu biết sâu sắc về công việc thực tế trong quy trình xuất nhập khẩu tại công ty, đồng thời giúp em có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học trên lớp vào chuyên đề này. Tuy nhiên, trong quá trình làm Chuyên đề tốt nghiệp không thể tránh những thiếu sót trong quá trình thu thập tài liệu và đánh giá. Em rất mong nhận được sự góp ý và nhận xét của Quý Thầy Cô, em sẽ rút kinh nghiệm và khắc phục thiếu sót để hoàn thiện đề tài một cách tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] CÔNG TY TNHH HONG IK VINA <https://masothue.com/0301919894-cong-ty-trach-nhiem-huu-han-hong-ik-vina>

[2] Oz Việt Nam, Quy trình xin CO form E 2024. Hiệp định ACFTA là gì? <https://thutucxuatnhapkhau.com/quy-trinh-xin-co-form-e-hang-xuat-khau/>

[3] Trung tâm training thực tế NV xuất nhập khẩu Tân Minh Trí (5/2024), Quy Trình Làm Thủ Tục Hải Quan Cho Hàng Hóa Xuất Khẩu FCL <https://advantage.vn/tieng-viet-quy-trinh-lam-thu-tuc-hai-quan-cho-hang-hoa-xuat-khau-fcl/>